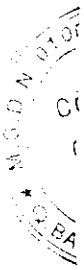


BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Hà Nội, tháng 3 năm 2017



MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	3
1. Thông tin khái quát	3
2. Lịch sử hình thành và phát triển	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	6
4. Mô hình quản trị, cơ cấu bộ máy quản lý	6
5. Định hướng phát triển	6
6. Các rủi ro	7
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016	8
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về tình hình kinh doanh và tình hình tài chính	8
2. Tình hình hoạt động của các công ty con	10
3. Quan hệ cổ đông	17
4. Tổ chức và nhân sự	19
5. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty	24
III. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	25
1. Hội đồng quản trị	25
2. Ban kiểm soát	27
IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN	28

I - THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần PVI**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100151161
- Vốn điều lệ: 2.342 tỷ đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 6.821 tỷ đồng
- Địa chỉ: 154 Nguyễn Thái Học, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội
- Số điện thoại: (84-4) 37342299
- Số fax: (84-4) 37342929
- Website: www.pvi.com.vn
- Mã cổ phiếu: PVI

2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Thành lập năm 1996, Công ty Bảo hiểm Dầu khí (PVI) phát triển từ một công ty bảo hiểm thuộc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam - PVN) trở thành nhà bảo hiểm công nghiệp số 1 Việt Nam, dẫn đầu trong các lĩnh vực trọng yếu của thị trường bảo hiểm như Năng lượng (chiếm thị phần tuyệt đối), Hàng hải, Tài sản – Kỹ thuật....

Trong 5 năm đầu thành lập, PVI đã duy trì và củng cố hoạt động của mình với tổng doanh thu đạt 516 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước trên 48 tỷ đồng và 30 tỷ đồng lợi nhuận, đây là giai đoạn Công ty tập trung gây dựng cơ sở vật chất và đào tạo đội ngũ nhân viên của mình.

Năm 2001, thị trường bảo hiểm có nhiều biến động lớn, hàng loạt các biến động lớn do thiên tai, khủng bố, khủng hoảng kinh tế khu vực... Với bản lĩnh và chiến lược kinh doanh hợp lý, PVI đã khẳng định được vị thế của mình: doanh thu đạt 187 tỷ đồng tăng 167% so với năm 2000, các nhà bảo hiểm và môi giới Quốc tế nhìn nhận vai trò chủ đạo của PVI trên thị trường bảo hiểm năng lượng Việt Nam. Điển hình là việc PVI đã thu xếp bảo hiểm an toàn, cấp đơn bảo hiểm đạt tiêu chuẩn quốc tế cho tài sản, hoạt động của Xi nghiệp liên doanh dầu khí Vietsopetro. Năm 2002, PVI đã tận dụng lợi thế thương hiệu và năng lực tài chính của mình để vươn lên thống lĩnh thị trường ở lĩnh vực bảo hiểm hàng hải và xây dựng lắp đặt.

Từ năm 2005, PVI đã có những bước trưởng thành quan trọng về cung cấp dịch vụ bảo hiểm cho các dự án dầu khí lớn tại nước ngoài và tăng cường nhận tái bảo hiểm từ Triều Tiên, Trung Quốc... Từ đó PVI thành lập các chi nhánh khu vực và phát triển mạng lưới đại lý chuyên nghiệp trên khắp các tỉnh thành trong cả nước.

Năm 2006, PVI đã đánh dấu chặng đường 10 năm hình thành và phát triển bằng sự kiện đạt doanh thu 1.000 tỷ vào ngày 26/9/2006 cùng với việc vốn và tài sản được nâng lên đáng kể. Đây là năm quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển thương hiệu Bảo hiểm Dầu khí – PVI và là năm thứ 6 liên tiếp hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch do Tập đoàn giao với tổng doanh thu đạt 1.304 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước 105 tỷ đồng, lợi nhuận đạt trên 60 tỷ đồng... Tháng 9/2006, Bộ Công nghiệp và Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đã có Quyết định cổ phần hóa PVI với mục tiêu tăng cường năng lực cạnh tranh và xây dựng PVI trở thành một Tổng công ty cổ phần mạnh trong định chế Bảo hiểm - Tài chính của Tập đoàn. Ngày 12/4/2007 là ngày Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam chính thức ra mắt, đánh dấu sự chuyển mình cho những thành công rực rỡ tiếp theo.

Năm 2007 là năm đầu tiên PVI chuyển đổi hoạt động từ doanh nghiệp nhà nước sang mô hình Tổng công ty cổ phần hoạt động theo Luật doanh nghiệp. Tuy nhiên PVI đã thể hiện bản lĩnh vững vàng thể hiện qua việc thích ứng nhanh chóng với cơ chế quản lý mới, doanh thu đạt 1.997 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 250 tỷ đồng.

Năm 2008, mặc dù phải đối mặt với rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn thế giới, tuy nhiên bằng nhiệt huyết và sự sáng tạo, PVI đã vượt qua khó khăn với mức doanh thu đạt 2.694 tỷ đồng.

Năm 2009, PVI đã chinh phục cột mốc 3.000 tỷ đồng vào giữa tháng 11. Kết thúc năm 2009, vượt qua mọi khó khăn từ cuộc khủng hoảng kinh tế, PVI vẫn đạt được mức doanh thu ấn tượng là 3.566 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 220 tỷ đồng, đóng góp cho ngân sách nhà nước 240 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng doanh thu là 30,5% so với năm 2008, hoàn thành vượt mức kế hoạch Tập đoàn giao là 118,6%. Tốc độ tăng trưởng doanh thu bảo hiểm gốc cũng đạt tận 37,1%, đồng thời là doanh nghiệp có tốc độ tăng trưởng cao nhất thị trường bảo hiểm Việt Nam.

Năm 2010, khi cơn bão khủng hoảng kinh tế toàn cầu dần qua đi, nền kinh tế Việt Nam đã có sự phục hồi nhanh chóng khi GDP đạt mức (6,78%) cao hơn so với kế hoạch (6,5%), nguồn vốn đầu tư toàn xã hội năm đã đạt được những kết quả tích cực. Đây cũng là thời điểm thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tăng trưởng mạnh với tổng doanh thu 17.072 tỷ đồng, tăng trưởng 25% so với năm 2009.

Năm 2011 ghi một dấu mốc đặc biệt trong lịch sử phát triển của PVI Holdings: Đạt doanh thu cao nhất từ trước đến nay, tái cấu trúc thành công hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con và được đón nhận danh hiệu Anh hùng Lao động... Lần đầu tiên, PVI

đã đạt doanh thu trên 5.200 tỷ đồng, tăng trưởng trên 15% so với năm 2010. Năm 2011, PVI nộp ngân sách nhà nước trên 440 tỷ đồng, tăng 47% so với năm trước. PVI tiếp tục được xem là nhà bảo hiểm công nghiệp hàng đầu tại thị trường bảo hiểm Việt Nam và duy trì tốc độ phát triển cao nhất, vượt xa các công ty bảo hiểm khác trên thị trường.

Năm 2012, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life do PVI sở hữu 51% vốn điều lệ được thành lập với mục tiêu trở thành Doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ Việt Nam. Như vậy PVI là doanh nghiệp đầu tiên của Việt Nam có các đơn vị thành viên hoạt động trên cả 3 lĩnh vực bảo hiểm: phi nhân thọ, nhân thọ và tái bảo hiểm. Cũng trong năm 2012, PVI tăng vốn điều lệ lên 2.342 tỷ đồng thông qua hoạt động phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược hiện hữu Tập đoàn Talanx (Đức).

Năm 2013, Công ty Tái bảo hiểm PVI (PVI Re) đã hoàn thành chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần, trở thành Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI. PVI Re có vốn điều lệ 668 tỷ đồng, trong đó 68,86% vốn thuộc về PVI. PVI đã vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng phần thưởng cao quý Huân chương Độc lập Hạng Ba trong năm 2013.

Năm 2014, lần đầu tiên Bảo hiểm PVI giữ vị trí số 1 thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam trong suốt năm. Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life cũng giữ vị trí số 1 thị trường bảo hiểm nhân thọ về Hưu trí tự nguyện trong năm 2014 kể từ khi ra mắt sản phẩm này vào tháng 4/2014. Các kết quả trên cùng sự kiện khánh thành Tòa nhà PVI đánh dấu những bước phát triển mới của PVI, khẳng định tầm vóc của một Định chế Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam.

Năm 2015, PVI hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch do ĐHĐCĐ giao và đạt được nhiều kết quả ấn tượng: Công ty mẹ tiếp tục thực hiện tái cấu trúc theo chiều sâu theo các chuẩn mực quốc tế, thực sự đóng vai trò kiến tạo và điều hành chiến lược phát triển toàn bộ hệ thống PVI. Tổng công ty Bảo hiểm PVI (PVI Insurance) năm thứ hai liên tiếp giữ vị trí giữ vị trí số 1 trên thị trường và đã vượt xa vị trí số 2. Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI (PVI Re) kinh doanh hiệu quả, thực sự khẳng định vai trò dẫn dắt thị trường tái bảo hiểm. Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ PVI Sun Life (PVI Sun Life) tiếp tục giữ vị trí số 1 thị trường bảo hiểm nhân thọ về sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện. Công ty cổ phần Quản lý Quỹ PVI (PVI AM) thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quản lý tài sản và danh mục đầu tư cho toàn hệ thống.

Năm 2016, PVI hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch do ĐHĐCĐ giao với kết quả phần lớn lợi nhuận là từ hoạt động đầu tư hiệu quả. Đây là năm điểm sáng trong hoạt động đầu tư tài chính của PVI Holdings với mức lợi nhuận hơn 200% so với kế hoạch. Không chỉ tập trung mở rộng hoạt động kinh doanh bảo hiểm – tái bảo hiểm, PVI tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đầu tư một cách hiệu quả, xây dựng chiến lược chuỗi giá trị tạo giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Với sự ra đời của Công ty cổ phần Phát triển Tài sản Việt Nam (VAD), PVI đã trở thành một định chế tài chính – bảo hiểm hoàn chỉnh với các trụ cột chính, bao gồm: bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, đầu tư và phát triển tài sản.

3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

– Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ và các công ty con:

- Hoạt động nắm giữ tài sản
- Kinh doanh bảo hiểm và tái bảo hiểm
- Hoạt động dịch vụ Tài chính
- Kinh doanh bất động sản

– Địa bàn kinh doanh: Hoạt động trên toàn quốc và các thị trường quốc tế

4. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

4.1. Mô hình quản trị và Sơ đồ tổ chức: Phụ lục 01 đính kèm theo đây.

4.2. Thông tin cơ bản về các công ty con

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của PVI Holdings (31/12/2016)
1	Tổng công ty Bảo hiểm PVI	Tầng 24 Tòa nhà PVI Tower, Lô VP2 Yên Hòa, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	Bảo hiểm phi nhân thọ	2.600 tỷ đồng	100%
2	Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Tầng 25 Tòa nhà PVI Tower, Lô VP2 Yên Hòa, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	Tái bảo hiểm	668 tỷ đồng	68,86%
3	Công ty cổ phần Quản lý quỹ PVI	Tầng 25 Tòa nhà PVI Tower, Lô VP2 Yên Hòa, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	Quản lý quỹ đầu tư và danh mục chứng khoán; Tư vấn đầu tư	50 tỷ đồng	35%

5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

❖ **Tầm nhìn chiến lược:**

Xây dựng và phát triển PVI trở thành một định chế Tài chính – Bảo hiểm vững mạnh chuyên nghiệp trên thị trường Việt Nam, có thương hiệu quốc tế uy tín, chất lượng dịch vụ hàng đầu và duy trì sự phát triển bền vững

❖ Chiến lược phát triển trung hạn:

- Xây dựng PVI trở thành một định chế Tài chính – Bảo hiểm mạnh, có năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế, tối ưu hóa việc sử dụng mọi nguồn lực sẵn có, xã hội hóa, thu hút đầu tư trong và ngoài nước.
- Hoàn thành tái cơ cấu để PVI tiếp tục phát triển mạnh hơn, tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh và phát triển bền vững.
- Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, nâng cao quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn quốc tế cho toàn bộ hệ thống nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển.

❖ Mục tiêu 2016:

- Tiếp tục làm tốt vai trò là nhà quản lý rủi ro và cung cấp bảo hiểm cho mọi hoạt động, tài sản, con người trong và ngoài lĩnh vực dầu khí.
- Giữ vững vai trò là nhà Bảo hiểm số 1 Việt Nam với mục tiêu phát triển bền vững thông qua việc giữ vững vị trí số 1 và dẫn dắt thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam.
- Tối đa hóa lợi nhuận qua hoạt động thu xếp tái bảo hiểm;
- Đẩy mạnh hoạt động của Công ty CP quản lý Quỹ PVI nâng cao hiệu quả kinh doanh chung cho toàn hệ thống.
- Tập trung tái cơ cấu để phát triển hiệu quả hệ thống theo đúng định hướng chiến lược.
- Nâng cao hiệu quả công tác quản trị đáp ứng theo tiêu chuẩn quốc tế và tăng cường kiểm tra giám sát tính tuân thủ hệ thống, quản trị rủi ro.

6. CÁC RỦI RO

- Nền kinh tế vĩ mô: Kinh tế Việt Nam năm 2016 tiếp tục diễn ra trong bối cảnh khó khăn chung: Tăng trưởng GDP năm 2016 ước đạt 6,2%, thấp hơn mức tăng trưởng GDP của năm 2015 (6,68%) và không đạt so với kế hoạch đề ra là 6,7%.
- Biến động giá dầu: Năm 2016 chứng kiến giá dầu thô rớt xuống mức thấp nhất trong 12 năm qua do tình trạng dư thừa nguồn cung: giá dầu dao động quanh mức 40 USD/thùng trong suốt năm 2016. Điều này đã có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của lĩnh vực dầu khí nói chung và làm suy giảm trực tiếp đến doanh thu bảo hiểm công nghiệp truyền thống của PVI.
- Lãi suất huy động: năm 2016, lãi suất ít biến động, nhưng vẫn ở mức thấp từ 5-6%, ảnh hưởng đến việc đẩy mạnh hoạt động đầu tư của hệ thống PVI.

- Thị trường Bảo hiểm Việt Nam: Vấn đề trực lợi bảo hiểm và cạnh tranh không lành mạnh vẫn đang có xu hướng tăng cao, kéo theo tỷ lệ tổn thất tăng lên, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các Doanh nghiệp Bảo hiểm.

II - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016

1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ TÌNH HÌNH KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1.1. Tình hình hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính

1.1.1. Danh sách Ban Tổng giám đốc

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ
1	Bùi Văn Thuận	Tổng giám đốc	88.188	0,04%
2	Vũ Văn Thắng	Phó Tổng giám đốc	0	0%
3	Phạm Khắc Dũng	Phó Tổng giám đốc	0	0%
4	Phùng Tuấn Kiên	Phó Tổng giám đốc	49.793	0,02%
5	Trương Quốc Lâm	Phó Tổng giám đốc	98	0%
6	Nguyễn Ngọc Minh	Phó Tổng giám đốc	0	0%
7	Phạm Anh Đức	Phó Tổng giám đốc	34.238	0,01%
8	Trần Duy Cường	Kế toán trưởng	0	0%

1.1.2. Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh

Năm 2016 là năm khó khăn chung của toàn nền kinh tế khi tăng trưởng GDP đạt 6,2%, chưa đạt được mức kế hoạch kỳ vọng ban đầu, tuy nhiên đây cũng là mức tăng trưởng tốt trong bối cảnh biến động toàn cầu.

Ảnh hưởng ba năm liên tiếp từ giá dầu giảm sâu, duy trì ở mức thấp đã tạo ra nhiều khó khăn cho các hoạt động của Lĩnh vực dầu khí và tác động trực tiếp đến lĩnh vực bảo hiểm công nghiệp truyền thống của PVI.

Xác định rõ những khó khăn, thách thức trên, ngay từ cuối năm 2015, Ban Lãnh đạo PVI đã đưa ra các mục tiêu phát triển và quyết liệt triển khai các giải pháp một cách đồng bộ, kịp thời để thực hiện thành công kế hoạch kinh doanh 2016.

Bên cạnh đó, năm 2016, với việc thực hiện thoái hết vốn đầu tư của PVI tại PVI Sun Life theo đúng định hướng phát triển, hoạt động đầu tư của PVI tiếp tục là điểm sáng, góp phần nâng cao kết quả kinh doanh 2016 của toàn PVI.

1.1.3. Kết quả kinh doanh hợp nhất:

- Tổng doanh thu đạt 9.163 tỷ đồng, hoàn thành 108% kế hoạch năm 2016;
- Lợi nhuận trước thuế đạt 714 tỷ đồng, hoàn thành 140% kế hoạch năm 2016;
- Lợi nhuận sau thuế đạt 574 tỷ đồng, hoàn thành 151% kế hoạch năm 2016;

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2015	Thực hiện năm 2016	% Tăng giảm
Tổng tài sản	15.507,42	16.642,56	7,32%
Doanh thu thuần	5.731,31	5.875,34	2,51%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	709,176	715,086	0,83%
Lợi nhuận khác	-0,72	-0,90	
Lợi nhuận trước thuế	708,46	714,19	0,81%
Lợi nhuận sau thuế	576,25	573,64	-0,45%

1.1.4. Kết quả kinh doanh Công ty Mẹ

- Tổng doanh thu đạt 984 tỷ đồng, hoàn thành 159% kế hoạch năm 2016;
- Lợi nhuận trước thuế đạt 637 tỷ đồng, hoàn thành 209% kế hoạch năm 2016;
- Lợi nhuận sau thuế đạt 543 tỷ đồng, hoàn thành 178% kế hoạch năm 2016;

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2015	Thực hiện năm 2016	% Tăng giảm
Tổng tài sản	7.173,04	6.891,79	-3,92%
Doanh thu thuần	980,90	984,35	0,35%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	567,57	637,987	12,41%
Lợi nhuận khác	2,17	-0,683	
Lợi nhuận trước thuế	569,74	637,304	11,86%
Lợi nhuận sau thuế	530,05	543,36	2,51%

1.2. Các thành tích tiêu biểu trong năm 2016

- Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2016 do ĐHCĐ giao trong bối cảnh khó khăn chung, tạo năm bản lề vững chắc cho việc triển khai Kế hoạch 2017 và giai đoạn 2016-2020.

- Xây dựng hệ thống quản trị minh bạch, hiệu quả, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế.
- Trong lĩnh vực Bảo hiểm phi nhân thọ: là năm thứ ba liên tiếp giữ vị trí số 1 về doanh thu, thị phần (18,65%) và hiệu quả; hệ thống bản lẻ tăng trưởng cao hơn thị trường (gần 20%). Thực hiện quản lý rủi ro và cung cấp bảo hiểm cho mọi hoạt động, tài sản, con người trong và ngoài ngành dầu khí một cách an toàn, hiệu quả. Thực hiện giải quyết bồi thường nhanh chóng, kịp thời các tổn thất, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp ổn định sản xuất.
- Trong lĩnh vực tái bảo hiểm: tiếp tục phát triển đúng định hướng, thu xếp hiệu quả các chương trình tái bảo hiểm cho thị trường bảo hiểm Việt Nam.
- Trong lĩnh vực hoạt động đầu tư, quản lý tài sản: Hoạt động đầu tư bài bản, chuyên nghiệp, đã mang lại nguồn lợi nhuận chính cho toàn hệ thống PVI và góp phần an toàn nguồn vốn, tài sản của toàn hệ thống trong bối cảnh thị trường tài chính nhiều rủi ro.
- Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc theo chiều sâu: Hoàn thành việc thoái vốn đầu tư tại PVI Sun Life theo đúng định hướng chiến lược phát triển; Tập trung nguồn lực vào 3 lĩnh vực kinh doanh lõi: Bảo hiểm phi nhân thọ, Tái bảo hiểm, đầu tư, quản lý tài sản.
- Ban hành chiến lược quản lý và phát triển nguồn nhân lực toàn PVI giai đoạn 2016-2020.
- Được cấp Giấy chứng nhận hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.
- Thương hiệu của PVI tiếp tục được các tổ chức trong và ngoài nước đánh giá cao: là 1 trong top 30 doanh nghiệp minh bạch nhất HNX 2015-2016; Là một trong 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam và một trong 40 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam do Forbes Việt Nam bình chọn; trong Top 30 Thương hiệu giá trị nhất Việt Nam 2016 do Brand Finance và Mibrand bình chọn. Năm 2016, thương hiệu PVI được định giá 45 triệu USD (~ 1.000 tỷ đồng), xếp hạng A, xếp vị trí 29, vượt lên 4 bậc so với năm 2015.

2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY CON

2.1. TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM PVI (BẢO HIỂM PVI)

2.1.1 Hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính trong năm 2016

Năm 2016 là năm thứ ba liên tiếp Tổng công ty Bảo hiểm PVI dẫn đầu thị trường bảo hiểm Phi nhân thọ Việt Nam, khẳng định niềm tin của Khách hàng vào sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp và đóng góp tích cực vào công cuộc phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Trong năm 2016, Bảo hiểm PVI tiếp tục hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh:

tổng doanh thu đạt 7.912 tỷ đồng (đạt 102% kế hoạch); lợi nhuận trước thuế đạt 109 tỷ đồng (đạt 101% kế hoạch).

Hoạt động kinh doanh tăng trưởng và bền vững

Kết thúc năm 2016, Bảo hiểm PVI vẫn tiếp tục được ghi nhận sự đi lên toàn diện và bền vững với doanh thu bảo hiểm gốc và hiệu quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm cao nhất thị trường. Để đạt được kết quả này, với sự nhanh nhạy, năng động của một đơn vị hàng đầu, Bảo hiểm PVI đã triển khai mạnh mẽ và toàn diện các hoạt động kinh doanh, tập trung khai thác các dự án tại nhiều lĩnh vực, đẩy mạnh đầu tư mạng lưới bán lẻ, phát triển sản phẩm, đa dạng hóa các kênh phân phối và đặc biệt chú trọng hoàn thiện dịch vụ sau bán hàng.

- Bảo hiểm PVI tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ tư vấn, quản lý rủi ro cho toàn bộ tài sản và con người của Khách hàng trong lĩnh vực Dầu khí, đảm bảo an toàn cho toàn bộ hoạt động và tài sản của Tập đoàn và các đơn vị thành viên.
- Bên cạnh đó, Công ty cũng đẩy mạnh triển khai các dự án lớn ngoài lĩnh vực Dầu khí, cung cấp dịch vụ bảo hiểm cho các nhà dự án lớn có giá trị phát triển kinh tế xã hội vốn đòi hỏi năng lực, kinh nghiệm và trách nhiệm rất khắt khe, khẳng định vai trò nhà bảo hiểm dẫn dắt thị trường như: Dự án xây dựng Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 4 mở rộng số tiền BH 900 triệu USD; Các dự án trọng điểm như Dự án Cầu Bạch Đằng số tiền BH 5.400 tỷ đồng; Bảo hiểm cho toàn bộ Tuyến năng lượng thuộc Dự án thủy điện Thượng Kon Tum số tiền BH 2.338 tỷ đồng; Dự án Tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội; Bảo hiểm tài sản cho nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 1, số tiền BH 3.000 tỷ đồng; Bảo hiểm tín dụng xuất khẩu cho Samsung tổng số tiền BH 2.926 tỷ đồng,...
- Thành công trong việc đa dạng hóa các kênh phân phối, đặc biệt là công tác bancassurance. Năm 2016, Bảo hiểm PVI đã ký thỏa thuận hợp tác với 10 Ngân hàng và tổ chức tín dụng với doanh thu 210 tỷ đồng, tăng trưởng 80%, việc hợp tác với các Ngân hàng sâu hơn mọi năm khi Bảo hiểm PVI đã ký độc quyền khai thác với nhiều Ngân hàng.
- Điểm sáng trong kết quả kinh doanh của Bảo hiểm PVI trong năm 2016, cũng phù hợp với định hướng của Công ty, đó là hệ thống bán lẻ tăng trưởng cao đạt 20% và hoàn thành vượt mức các kế hoạch đặt ra. Năm 2016 Bảo hiểm PVI thành lập thêm 01 chi nhánh tại Tp. Hà Nội và 18 Phòng kinh doanh khu vực nâng tổng số chi nhánh lên 30 Đơn vị cùng 108 Phòng kinh doanh tại các tỉnh/thành. Về hệ thống đại lý, năm 2016 có 2.500 đại lý với doanh thu gần 400 tỷ đồng, Bảo hiểm PVI là một trong những DNBH có mạng lưới Đại lý rộng nhất trên thị trường.

Dịch vụ Khách hàng là thước đo Giá trị

Là Nhà bảo hiểm số 1 thị trường, Bảo hiểm PVI luôn ý thức được vị thế thương hiệu và chất lượng dịch vụ chăm sóc Khách hàng, với triết lý kinh doanh “Lấy Khách hàng làm thước đo Giá trị”, trong năm 2016 Bảo hiểm PVI luôn nỗ lực nâng cao chất lượng dịch vụ để đảm bảo sự hài lòng tuyệt đối của Khách hàng.

Năm 2016, Bảo hiểm PVI đã cải tiến và nâng cao chất lượng hoạt động của hai Trung tâm Chăm sóc khách hàng phía Bắc và phía Nam. Đây là đầu mối tiếp nhận thông tin và giải đáp thắc mắc, kết nối chặt chẽ khách hàng và công ty, góp phần rút ngắn thời gian giải quyết quyền lợi của khách hàng tại các khâu nhưng vẫn đảm bảo tính minh bạch, chính xác. Hai Trung tâm đã thành công trong việc Khảo sát xây dựng được “Bản đồ” đo lường và đánh giá sự hài lòng của khách hàng thông qua việc thực hiện gần 100.000 cuộc gọi điện phỏng vấn kết hợp sàng lọc các thông tin phản hồi của khách hàng để từ đó đưa ra các giải pháp nhằm đồng nhất chất lượng dịch vụ trên toàn quốc. Cùng với các chức năng khác như bảo lãnh viện phí, giám định trực tuyến, bảo hiểm trực tuyến PVIOnline, hai Trung tâm Chăm sóc khách hàng đã tạo nên giá trị khác biệt cho các sản phẩm và dịch vụ của Bảo hiểm PVI.

Trong công tác giải quyết khiếu nại, Bảo hiểm PVI luôn thực hiện nhanh chóng, kịp thời, đúng pháp luật nhằm hỗ trợ cho khách hàng giảm bớt khó khăn về tài chính. Năm 2016, Bảo hiểm PVI đã giải quyết gần 660.000 vụ bồi thường với số tiền là 2.520 tỷ đồng, góp phần đảm bảo trật tự, an toàn tài chính cho nền kinh tế xã hội trong nước.

2.1.2 Nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2017

Trong năm 2017, Bảo hiểm PVI phấn đấu tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trên nền tảng đặt hiệu quả lên hàng đầu, tiếp tục chú trọng công tác dịch vụ khách hàng hướng tới trở thành Nhà bảo hiểm bán lẻ số 1 Việt Nam. Cụ thể, những nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2017 của Bảo hiểm PVI như sau:

Thứ nhất, duy trì và khẳng định vị thế là nhà bảo hiểm công nghiệp số 1 Việt Nam và tiếp tục dẫn đầu về hiệu quả kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ VN;

Thứ hai, duy trì và phấn đấu nâng hạng tín nhiệm tài chính quốc tế theo tiêu chuẩn của A.M Best;

Thứ ba, phát huy thương hiệu PVI, giữ vững Khách hàng trong lĩnh vực Dầu khí trên cơ sở an toàn và hiệu quả đồng thời tiếp tục đẩy mạnh khai thác các dự án ngoài lĩnh vực Dầu khí;

Thứ tư, phát triển hệ thống bán lẻ trên nguyên tắc hiệu quả;

Thứ năm, tiếp tục mở rộng mạng lưới kinh doanh bán lẻ, đa dạng hóa các kênh phân phối, gia tăng các tiện ích và các công cụ khai thác bảo hiểm trung gian trong đó công tác Bancassurance tiếp tục được đẩy mạnh;

Thứ sáu, tăng cường kiểm soát tuân thủ và quản lý minh bạch toàn hệ thống.

2.2. TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI (PVI RE)

2.2.1. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2016

Năm 2016 là một năm đầy khó khăn, thách thức với các biến động khó lường của kinh tế thế giới và trong nước: Thị trường TBH quốc tế vẫn tiếp tục dư thừa nguồn vốn, năng lực TBH dư thừa dẫn đến sự cạnh tranh cao, phí giảm. Hoạt động thu tóm và sáp nhập (M&A) tiếp tục là đặc trưng nổi bật của năm 2016 đã tạo ra nhiều doanh nghiệp TBH với quy mô vốn lên đến hàng tỷ USD. Tồn thất do thiên tai trên toàn cầu gây ra trong 2016 tăng khoảng 38% so với cùng kỳ năm trước, và vượt mức bình quân 10 năm. Với sự chỉ đạo sát sao, quyết liệt của tập thể lãnh đạo và sự quyết tâm, nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên, PVI Re đã thực hiện nghiêm chỉnh các định hướng chiến lược đã vạch ra và tiếp tục hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh: tổng doanh thu đạt 1.686 tỷ đồng (đạt 101% kế hoạch); lợi nhuận trước thuế đạt 137,8 tỷ đồng (đạt 102% kế hoạch).

Kết thúc năm 2016, PVI Re đã hoàn thành các công việc trọng tâm như sau:

- Hoàn thành vượt mức các mục tiêu doanh thu và lợi nhuận.
- Hoàn thành công tác kiện toàn mô hình quản trị doanh nghiệp, cơ cấu tổ chức và cán bộ quản lý, đảm bảo bộ máy vận hành tốt và hiệu quả. Chức năng, nhiệm vụ của các Khối, Phòng ban được phân định khoa học và rõ ràng hơn. Các Phòng phối hợp chặt chẽ, hiệu quả và tăng cường khả năng kiểm soát hơn.
- Chính sách khai thác luôn được chú trọng và điều chỉnh kịp thời để nâng cao và tối đa hóa hiệu quả kinh doanh. Thu xếp thành công một số hợp đồng quan trọng như Hợp đồng tái bảo hiểm cố định Năng lượng và các hợp đồng bảo vệ 2016, phù hợp với chiến lược dài hạn của công ty và diễn biến thực tế của thị trường.
- Công nghệ thông tin được chú trọng phát triển. Đưa vào vận hành hiệu quả hệ thống PIAS mới với 2 phân hệ quản lý hợp đồng và quản lý bồi thường. Cơ sở dữ liệu được xây dựng theo cấu trúc mới, bài bản, khá linh hoạt để đáp ứng cho nhu cầu của hoạt động kinh doanh cũng như quản lý.
- Đời sống cán bộ nhân viên ổn định và được nâng cao.
- PVI Re luôn đề cao xây dựng môi trường văn hóa doanh nghiệp lành mạnh, đội ngũ CBNV đoàn kết, có trách nhiệm và có trình độ chuyên môn cao.

2.2.2 Nhiệm vụ trọng tâm 2017

- Đẩy mạnh phát triển thị trường trong nước một cách hiệu quả. Nhận tái nguồn trong nước tăng trưởng trên 30%.
- Tiếp tục tìm kiếm cổ đông chiến lược và tăng vốn theo nghị quyết ĐHĐCĐ.
- Thực hiện niêm yết trên sàn chứng khoán.
- Nâng mức xếp hạng tín nhiệm lên B++.
- Tập trung hoàn thiện bộ máy, nâng cao chất lượng nhân sự. Cử cán bộ đi đào tạo training on job tại thị trường quốc tế.
- Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin phù hợp với nhu cầu phát triển mới.

2.3. CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PVI (PVI AM)

2.3.1 Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2016

- Doanh thu năm 2016 đạt 42,3 tỷ đồng, hoàn thành 140% kế hoạch năm 2016.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2016 đạt 6,85 tỷ đồng, hoàn thành 140% kế hoạch năm 2016.
- *Về công tác quản lý quỹ:* Hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận các khoản đầu tư đã đạt mức kỳ vọng, đảm bảo khả năng chi trả năm 2016 cho các thành viên góp vốn ở mức 12%; Quỹ POF đã hoàn thành tăng vốn 500 tỷ đồng cho VAD để thực hiện đầu tư dự án THT; Xây dựng hệ thống quản trị rủi ro đối với các loại hình đầu tư khác nhau tương ứng; Hoàn thiện mô hình, cơ chế hoạt động trong việc đề xuất và ra quyết định đầu tư. Quy định rõ chức năng, quyền hạn của PVI AM và Ban Đại diện Quỹ, nâng cao việc giám sát hoạt động đầu tư của các thành viên góp vốn với PVI AM thông qua việc hoàn thiện, nâng cao chất lượng báo cáo danh mục đầu tư định kỳ.
- *Về công tác quản lý danh mục đầu tư:* Trong năm 2016, PVI AM tiếp tục nhiệm vụ chính là Tư vấn & quản lý danh mục đầu tư ủy thác của PVI Holdings trong việc tái cơ cấu toàn bộ danh mục đầu tư thông qua việc thoái vốn, thu hồi công nợ và chuyển nhượng các khoản đầu tư cho Quỹ POF nhằm quản lý tập trung và nâng cao hiệu quả đầu tư, tư vấn Bảo hiểm PVI thực hiện tái cơ cấu danh mục đầu tư thông qua đề xuất BH PVI danh mục thoái vốn; Chủ động tham gia HĐQT, Ban điều hành, hoặc liên kết với các nhóm cổ đông lớn để nắm bắt thông tin, tham gia ý kiến với HĐQT, Ban điều hành nhằm ra những quyết định có lợi cho các cổ đông; Hoàn thành các báo cáo phân tích đánh giá chi tiết đối với từng khoản mục đầu tư trong danh mục quản lý để đưa ra ý kiến tư vấn cho PVI Holdings và Bảo hiểm PVI ra quyết định kịp thời trong

việc giải quyết các vấn đề liên quan sát với tình hình thực tế; Nghiên cứu các sản phẩm mới để tư vấn cho Khách hàng.

- *Về công tác nghiên cứu, phân tích và tư vấn:* Tích cực phối hợp, làm việc với các ngân hàng về việc bán chéo sản phẩm bảo hiểm (Bancassurance). Với sự quyết liệt từ phía Bảo hiểm PVI và nỗ lực của PVI AM, doanh số đã tăng được gấp đôi từ hơn 100 tỷ đồng năm 2015 lên hơn 200 tỷ đồng trong năm 2016; Theo dõi biến động từ thị trường ngoại hối để tư vấn các đơn vị Bảo hiểm PVI và Tái Bảo hiểm PVI trong việc hoán đổi ngoại tệ mang lại hiệu quả cao với 12 lượt swap đạt lợi nhuận gần 20 tỷ VND; Phối hợp tham gia cùng PVI Holdings hoàn thành việc thực hiện thoái vốn tại PVI Sun Life mang lại hiệu quả cao; Tích cực tham gia công tác tìm kiếm đối tác chiến lược cho Bảo hiểm PVI và Tái bảo hiểm PVI; Chủ động tìm kiếm, nghiên cứu phân tích và đề xuất các cơ hội đầu tư M&A, tham gia thẩm định các đề xuất cơ hội đầu tư của Quỹ POF; Tích cực mở rộng hoạt động tư vấn cho các khách hàng ngoài hệ thống PVI và tìm kiếm các cơ hội đầu tư tài chính khác...
- *Về công tác xây dựng và quản trị hệ thống:* Đã hoàn thành báo cáo Kế hoạch kinh doanh năm 2017, giai đoạn 2016-2020, Chiến lược phát triển PVI AM 2020-2035, và Kế hoạch đào tạo năm 2017; Hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc KPI của từng bộ phận và từng cán bộ để đưa vào áp dụng thử nghiệm từ đầu năm 2017; PVI AM luôn tuân thủ đúng hạn, đúng quy định việc công bố thông tin các báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo tỉ lệ an toàn tài chính, báo cáo tài chính của Quỹ POF...; PVI AM đã rà soát và ban hành mới 03 quy chế, 04 quy trình, 01 quy định và chỉnh sửa bổ sung 07 quy chế, 09 quy trình, 01 quy định liên quan; PVI AM luôn khuyến khích và tạo điều kiện cho các cán bộ tự đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu của công việc.

2.3.2 Mục tiêu nhiệm vụ trọng tâm năm 2017

- Quản lý hiệu quả dòng tiền, gia tăng giá trị tài sản cho các công ty trong hệ thống PVI; nâng cao tính chuyên nghiệp và chất lượng tư vấn cho khách hàng;
- Phát huy nội lực, tận dụng tối đa cơ hội từ thị trường, cố gắng đảm bảo hoàn thành tốt kế hoạch Doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính cho các đơn vị trong toàn hệ thống PVI trong năm 2017.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động của quỹ POF, đảm bảo an toàn, hiệu quả, đúng định hướng.
- Tìm kiếm các cơ hội đầu tư dài hạn, an toàn, đạt hiệu quả ổn định để thực hiện mang lại giá trị gia tăng bền vững cho toàn hệ thống PVI thông qua các hoạt động M&A, các đợt IPO, nhà nước thoái vốn và các dự án có nhu cầu kêu gọi đầu tư của PVN và các đơn vị thành viên PVN.

- Mở rộng quan hệ, tìm kiếm các đối tác có nhu cầu thực hiện các thương vụ M&A để đánh giá phân tích và tham gia thực hiện hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn trên cơ sở đảm bảo an toàn vốn và đạt hiệu quả kỳ vọng.
- Quản trị doanh nghiệp theo các chuẩn mực tiên tiến, đảm bảo hoạt động của PVI AM tuân thủ đúng pháp luật, minh bạch, chuyên nghiệp, hiệu quả;
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp PVI AM mang bản sắc PVI với tinh thần “Thành tích của tập thể - Trách nhiệm của cá nhân” phát huy truyền thống vượt khó của PVI làm việc cống hiến góp phần tích cực vào sự phát triển chung của PVI.

2.4 CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN TÀI SẢN VIỆT NAM (VAD)

Công ty Cổ phần Phát triển Tài sản Việt Nam (VAD) tiền thân là Công ty Cổ phần Phát triển Việt Nam Xanh (VNX) được thành lập vào tháng 6/2015. Ngày 13/12/2016, Công ty đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Phát triển Tài sản Việt Nam (VAD) và tiến hành tăng vốn điều lệ thành công lên 500,1 tỷ đồng. VAD tập trung vào hoạt động đầu tư dự án bất động sản, hạ tầng, năng lượng, triển khai dự án và hoạt động quản lý, khai thác bất động sản, dự án sau đầu tư.

Hiện tại, VAD đang thực hiện:

- Đầu tư dự án phát triển khu biệt thự và nhà phố tại Khu đô thị Tây Hồ Tây.
- Kinh doanh và Quản lý tài sản như Tòa nhà PVI Tower tại Cầu Giấy, Hà Nội; Tòa nhà 154 Nguyễn Thái Học, Hà Nội và hệ thống căn hộ tại dự án The Costa tại Nha Trang....
- Tìm kiếm, đầu tư các dự án hạ tầng, năng lượng trong ngành dầu khí như dự án Nhiệt điện khí Nhơn Trạch mở rộng giai đoạn 3 và 4....
- Tư vấn đầu tư cho các khách hàng trong và ngoài nước như Daewoo E&C, Samsung... đầu tư vào các dự án hạ tầng, năng lượng trong nước
- Tư vấn quản lý tài sản cho các khách hàng trong ngành dầu khí như tư vấn quản lý vật tư cho nhà máy Lọc hóa dầu Bình Sơn, phối hợp với các công ty quản lý tài sản chuyên nghiệp của nước ngoài như Sewoong Plant của Hàn Quốc để cung cấp các dịch vụ quản lý tài sản có chất lượng.

➤ Định hướng phát triển:

- Từng bước trở thành một trong những trụ cột chính của hệ thống PVI, đảm nhận chức năng quản lý và phát triển tài sản của toàn hệ thống an toàn và hiệu quả, đầu tư hiệu quả từ dòng tiền của PVI và Bảo hiểm PVI.
- Định hướng phát triển ba mảng kinh doanh chính: Đầu tư tài sản, quản lý tài sản và tư vấn đầu tư.

- Quản trị doanh nghiệp theo các chuẩn mực tiên tiến, đảm bảo hoạt động của VAD tuân thủ đúng pháp luật, minh bạch, chuyên nghiệp, hiệu quả;
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc PVI, góp phần tích cực vào sự phát triển chung của PVI.

3. QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

3.1. Cổ phần

STT	Nội dung	Tại ngày 31/12/2016	Ghi chú
1	Vốn điều lệ (đồng)	2.342.418.670.000	
2	Tổng số cổ phiếu	234.241.867	
3	Số lượng cổ phiếu quỹ	11.754.600	
4	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành	222.487.267	
5	Số lượng cổ phiếu ưu đãi/khác (nếu có)	0	

3.2. Cơ cấu cổ đông (Tại ngày 31/12/2016)

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Ngành nghề hoạt động	Số lượng CP hiện tại	Tỷ lệ sở hữu CP hiện tại
1	Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam (PVN)	18 Láng Hạ, Hà Nội	Dầu khí, Đầu tư	81.978.740	35%
2	HDI-Global (Talanx)	CHLB Đức	Bảo hiểm, Tài chính	83.711.071	35,74%
3	Funderburk Lighthouse Ltd (OIF)	Oman	Quỹ Đầu tư	27.117.895	11,58%
4	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVcomBank)	22 Ngô Quyền, Hà Nội	Ngân hàng, Tài chính	14.593.243	6,23%
5	Khác			26.840.918	11,45%

3.2.1 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm: Không có

3.2.2 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

3.2.3 Các chứng khoán khác: Không có

3.3. Hoạt động quan hệ cổ đông và nhà đầu tư

Là doanh nghiệp niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với hơn 6.000 cổ đông, PVI luôn xác định việc đảm bảo đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông, nhà đầu tư là một trong những vấn đề quan trọng trong quản trị doanh nghiệp.

Tuân thủ quy định của pháp luật là điều kiện tiên quyết trong việc đảm bảo quyền lợi của cổ đông, nhà đầu tư. PVI đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu công bố thông tin theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan, quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, HNX, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam: phát hành định kỳ Báo cáo thường niên, Báo cáo quản trị doanh nghiệp, Báo cáo tài chính và công bố những thông tin khác liên quan đến hoạt động kinh doanh, quản trị công ty... giúp các nhà đầu tư có cái nhìn sâu sắc, toàn diện về doanh nghiệp. PVI cũng thường xuyên cập nhật những thay đổi trong quy định pháp luật về quản trị doanh nghiệp, công bố thông tin như Luật Doanh nghiệp 2014, các Quy chế của HNX,... đồng thời tiến hành sửa đổi Điều lệ PVI cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp mới. Bộ phận Quan hệ cổ đông cũng tích cực hỗ trợ các doanh nghiệp, cá nhân giải đáp thông tin và thực hiện các thủ tục liên quan đến quyền lợi cổ đông.

Bên cạnh đó, việc chủ động công khai minh bạch thông tin cũng đóng vai trò quan trọng nhằm đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của cổ đông và là yếu tố hàng đầu để xây dựng hình ảnh doanh nghiệp trong mắt cổ đông, nhà đầu tư. Bộ phận Quan hệ cổ đông của PVI trong năm 2016 đã làm tốt chức năng là cầu nối thông tin gắn kết cổ đông, nhà đầu tư và doanh nghiệp. PVI luôn chủ động công bố kịp thời các thông tin về kết quả kinh doanh, tình hình tài chính, quản trị và các thông tin có thể ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư ... trên website chính thức của công ty (www.pvi.com.vn) cũng như trên các phương tiện thông tin đại chúng để cổ đông có thể nắm bắt kịp thời, chính xác các thông tin liên quan đến hoạt động của PVI. PVI sẵn sàng cung cấp thông tin đa chiều để cổ đông và nhà đầu tư có một cái nhìn toàn diện về doanh nghiệp. PVI luôn duy trì và nâng cao các kênh đối thoại mở với cổ đông và các nhà đầu tư nhằm tiếp nhận và giải đáp thắc mắc, cung cấp những thông tin về tình hình kinh doanh, chiến lược phát triển của PVI.

Ghi nhận những kết quả của PVI trong hoạt động quan hệ cổ đông và minh bạch thông tin tới nhà đầu tư, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội liên tục 4 năm (2013-2016) vinh danh PVI là 1 trong 30 doanh nghiệp minh bạch nhất.

Với mục tiêu duy trì quan hệ lâu dài và giữ vững niềm tin của cổ đông, nhà đầu tư, trong năm 2017, PVI tiếp tục các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng quan hệ cổ đông, nhà đầu tư như sau:

- Tăng cường minh bạch hóa thông tin nhằm xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế.
- Hợp tác với cơ quan truyền thông, các kênh thông tin chuyên ngành kinh tế, bảo hiểm, tài chính, chứng khoán nhằm cung cấp thông tin rộng rãi đến các nhà đầu tư.

4. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Trong năm 2016, PVI tiếp tục chủ động hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp sau khi Tái cấu trúc doanh nghiệp, cụ thể như sau:

4.1. Về cơ cấu tổ chức, nhân sự:

4.1.1. Về công tác tổ chức:

❖ Công ty mẹ:

Trong năm 2016, Công ty mẹ tiếp tục thực hiện tái cấu trúc theo chiều sâu theo các chuẩn mực quốc tế với mô hình kiểm soát tập trung, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý rủi ro cho toàn hệ thống nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của công ty. Cùng với đó, Công ty mẹ đã ban hành Chiến lược Quản lý, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2016-2021 và bắt đầu triển khai thực hiện để xây dựng nguồn nhân lực kế cận đủ năng lực thực hiện các nhiệm vụ trong thời gian tới cũng như phát huy vai trò kiến tạo và điều hành chiến lược phát triển toàn bộ hệ thống của Công ty mẹ.

❖ Các công ty con, công ty liên kết:

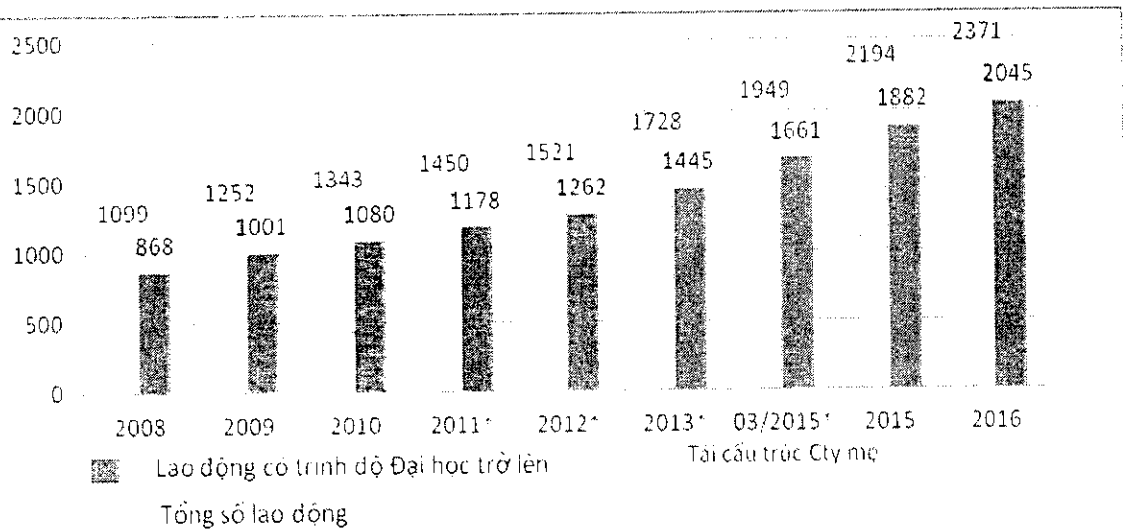
Thực hiện tái cấu trúc theo chiều sâu: Hoàn thành việc thoái vốn đầu tư tại các Công ty liên kết; Tập trung nguồn lực vào 3 lĩnh vực kinh doanh lõi: Bảo hiểm phi nhân thọ, Tái bảo hiểm, Quản lý quỹ và phát triển tài sản.

- Hoàn thành việc thoái vốn đầu tư tại PVI Sun Life, hiện thực hóa lợi nhuận đầu tư, góp phần cải thiện hiệu quả kinh doanh chung.
- Thực hiện tăng vốn điều lệ cho BH PVI, tăng từ 2.100 tỷ đồng lên 2.600 tỷ đồng để đảm bảo quy mô, năng lực tài chính cho hoạt động kinh doanh lõi và bảo vệ xếp hạng tín nhiệm A.M.Best. Đang tiếp tục hoàn tất việc góp vốn cho TBH PVI thêm 40 tỷ đồng, nâng số vốn điều lệ Công ty Mẹ góp cho TBH PVI lên 500 tỷ đồng.
- Công ty cổ phần Quản lý Quỹ PVI đã hoàn thiện cơ cấu tổ chức và đi vào hoạt động ổn định với mô hình đầu tư bài bản, chuyên nghiệp để đảm nhận vai trò nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư cho toàn hệ thống.

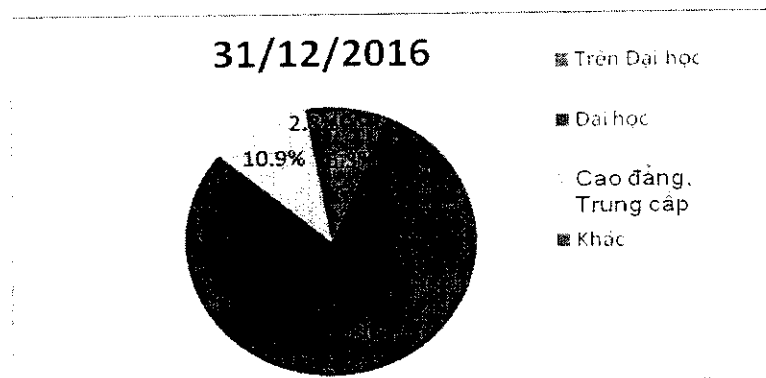
4.1.2. Về nhân sự:

Tại thời điểm 31/12/2016, tổng số lao động toàn PVI là 2371 người.

- + Biểu đồ nhân sự của PVI từ năm 2010 đến năm 2016:



Cơ cấu nhân lực theo trình độ - năm 2016



Năm 2011* tổng số lao động toàn PVI là 1450 người, trong đó:

- Công ty mẹ - Công ty CP PVI: 100 người
- Tổng công ty Bảo hiểm PVI: 1318 người
- Công ty Tái bảo hiểm PVI: 32 người

Năm 2012* tổng số lao động toàn PVI là 1521 người, trong đó:

- Công ty mẹ - Công ty CP PVI: 103 người
- Tổng công ty Bảo hiểm PVI: 1376 người
- Công ty Tái bảo hiểm PVI: 42 người

Năm 2013* tổng số lao động toàn PVI là 1728 người, trong đó:

- Công ty mẹ - Công ty CP PVI: 109 người
- Tổng công ty Bảo hiểm PVI: 1568 người
- Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI: 51 người

Năm 2014* tổng số lao động toàn PVI là 1949 người, trong đó:

- Công ty mẹ - Công ty cổ phần PVI: 42 người (sau khi kiện toàn cơ cấu tổ chức)
- Tổng công ty Bảo hiểm PVI: 1866 người
- Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI: 41 người

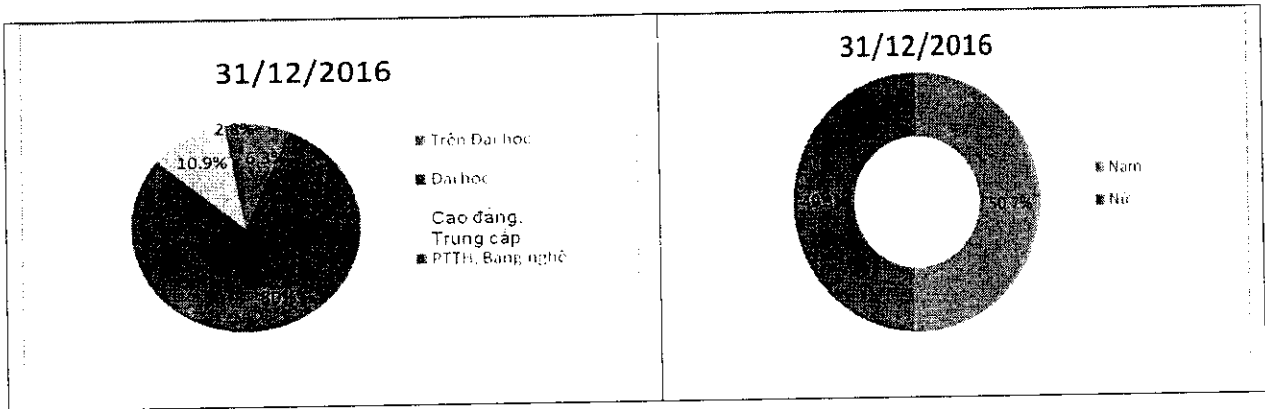
Năm 2015* tổng số lao động toàn PVI là 2194 người, trong đó:

- Công ty mẹ - Công ty CP PVI: 43 người
- Tổng công ty Bảo hiểm PVI: 2087 người
- Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI: 41 người
- Công ty CP Quản lý Quỹ PVI là: 23 người

Năm 2016* tổng số lao động toàn PVI là 2371 người, trong đó:

- Công ty mẹ - Công ty CP PVI: 46 người
- Tổng công ty Bảo hiểm PVI: 2264
- Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI: 43 người
- Công ty cổ phần Quản lý Quỹ PVI: 18 người

+ Cơ cấu độ tuổi lao động, giới tính:



4.2. Chính sách lao động:

Chính sách tiền lương, tiền thưởng gắn liền với hiệu quả công việc: Trong năm 2016, PVI tiếp tục thực hiện triển khai chính sách gắn liền thu nhập với kết quả công việc của từng cá nhân. Kết quả đánh giá hàng năm được PVI sử dụng làm cơ sở để điều chỉnh lương và trả lương bổ sung, thưởng. Việc trả lương theo hiệu quả làm việc đã tạo động lực cho người lao động phát triển, cống hiến và nâng cao năng suất lao động, gắn bó lâu dài với PVI. Chính sách trả lương, thưởng của PVI luôn đảm bảo phù hợp với các quy định của Chính phủ, các cơ quan quản lý về lao động, Thỏa ước lao động tập thể và được gắn với nội dung quản lý nhân sự khác như: đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng nhằm thu hút, khuyến khích phát triển nguồn nhân lực.

Năm 2016, thu nhập của người lao động tại PVI bao gồm:

- Lương hàng tháng: Lương tháng được PVI chi trả trên cơ sở mức lương cơ bản và lương chức danh của người lao động. Trong năm 2016, PVI đã xây dựng Thang bảng lương, phụ cấp lương làm căn cứ thỏa thuận tiền lương trong HĐLĐ, trả lương và đóng hưởng BHXH, BHYT, BHTN và chuyển xếp lương theo đúng quy định.

- Lương bổ sung, thưởng: Trên cơ sở đánh giá hiệu quả kinh doanh của đơn vị, quỹ lương chung và mức độ đóng góp của người lao động, PVI đã chi lương bổ sung, lương tháng 13 và thưởng cho người lao động vào các dịp lễ và cuối năm.
- Các chế độ đãi ngộ khác: Ngoài các chế độ tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật, người lao động tại PVI còn được hưởng thêm nhiều chế độ, chính sách khác như:
 - + Bảo hiểm Hữu trí tự nguyện;
 - + Bảo hiểm con người mức trách nhiệm cao (PVI Care) cho người lao động và người thân;
 - + Nghỉ mát hàng năm;
 - + Trang bị đồng phục;
 - + Khám sức khỏe định kỳ hàng năm;
 - + PVI tổ chức ăn sáng, ăn trưa cho người lao động tại bếp ăn của PVI;
 - + Hỗ trợ, thăm hỏi người lao động khi ốm đau, hiếu, hỉ...;
 - + Tặng quà cho người lao động và tổ chức gặp mặt nhân các ngày Lễ: Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6, ngày Thương binh liệt sĩ 27/7; Rằm trung thu, ngày thành lập Quân đội nhân dân 22/12...

4.3. Hoạt động đào tạo:

PVI khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất cho mọi CBNV phát triển toàn diện về cả năng lực chuyên môn và kỹ năng mềm không chỉ thông qua công việc, mà còn qua đào tạo, tự đào tạo và trao đổi kiến thức. Điều này được thể hiện qua việc công ty liên tục tổ chức các chương trình đào tạo thuê ngoài và tự đào tạo. Năm 2016, toàn PVI đã tổ chức 82 khóa học với sự tham gia của 2397 lượt CBNV. Tỷ lệ đào tạo/ số nhân sự trung bình: 99,7%. Số khóa đào tạo tự tổ chức chiếm gần 50% tổng số khóa đào tạo tại PVI trong năm 2016.

4.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Trong năm 2016, PVI thực hiện đúng và đầy đủ chế độ, chính sách, quy trình, công việc về môi trường lao động, môi trường sinh thái, cụ thể:

- Phân công nhiệm vụ đối với cán bộ chuyên trách về ATSKMT và PCCN theo đúng quy định của Pháp luật.
- Thực hiện báo cáo định kỳ công tác vệ sinh lao động và môi trường theo quy định.
- Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy định, quy phạm pháp luật và công tác đào tạo, huấn luyện ATSKMT và PCCN cho người lao động trong đơn vị.

- Tham mưu và tổng hợp kịp thời báo cáo về an toàn lao động, vệ sinh lao động và phòng cháy chữa cháy cho Lãnh đạo thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước.
- Chủ động làm việc với Trung tâm công nghệ xử lý môi trường thuộc Bộ tư lệnh hóa học và Trung tâm y tế môi trường lao động Công thương thuộc Bộ Công thương tiến hành về nghiên cứu, khảo sát đo, kiểm tra nồng độ không khí, nhiệt độ ánh sáng, tiếng ồn, nước thải sinh hoạt và chất lượng môi trường tại tòa nhà PVI Tower.
- Chủ động làm việc với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp Hà Nội cho phép tòa nhà PVI Tower được xả nước thải vào nguồn nước chung của khu vực trên cơ sở cấp “Chứng nhận Giấy phép xử nước thải vào nguồn nước” của UBND Thành phố Hà Nội.
- Tiến hành ký kết các Hợp đồng vệ sinh môi trường tòa nhà PVI Tower: Hợp đồng xử lý rác thải, Hợp đồng dịch vụ vệ sinh công nghiệp, Hợp đồng phun thuốc diệt côn trùng, Hợp đồng xử lý hệ thống nước thải, Hợp đồng xử lý chất thải rắn, Hợp đồng xử lý chất thải nguy hại...
- Tiến hành kiểm định an toàn kỹ thuật đối với các thiết bị, máy móc, thiết bị PCCC tòa nhà PVI Tower đảm bảo vệ sinh môi trường lao động.
- Đảm bảo môi trường và cảnh quan xanh sạch đẹp, tổ chức phát động và hưởng ứng Tuần lễ quốc gia về an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ tại Tòa nhà PVI Tower.

4.5. Hoạt động Đảng – đoàn, an sinh xã hội:

Công tác Đảng và các đoàn thể chính trị xã hội của PVI đã có những bước phát triển về “chất”, kịp thời đáp ứng được với mô hình tái cấu trúc doanh nghiệp. Hoạt động của các tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên ở các cấp luôn giữ vững được vai trò, tôn chỉ mục đích của mỗi tổ chức, bám sát nhiệm vụ kinh doanh của từng đơn vị. Vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng, Ban lãnh đạo đã phát huy được sức mạnh tổng hợp, tạo thành khối đoàn kết thống nhất từ những đảng viên, đoàn viên công đoàn, đoàn viên thanh niên và người lao động, góp phần không nhỏ vào thành công chung của PVI, từng bước nâng cao chất lượng chính trị, đời sống văn hóa tinh thần, văn hóa doanh nghiệp. Năm 2016, PVI tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội như: nhân dịp Tết Bình Thân tổ chức tặng quà cho người nghèo tại tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Nam, trao quà cho lực lượng công an và người dân thuộc các tỉnh miền núi phía Bắc, xây nhà tình nghĩa tại tỉnh Bến Tre, Quảng Ngãi, Điện Biên, hỗ trợ Trường trẻ em khuyết tật tại tỉnh Hậu Giang, ủng hộ xây dựng Khu tưởng niệm Nghĩa sĩ Hoàng Sa, ủng hộ đồng bào miền trung khắc phục hậu quả lũ lụt... số tiền trên 4,6 tỷ đồng.

5. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

5.1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty

PVI đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch do ĐHĐCĐ giao và đạt được nhiều kết quả ấn tượng:

- Tổng doanh thu đạt 9.163 tỷ đồng, hoàn thành 108% kế hoạch năm 2016;
- Lợi nhuận trước thuế đạt 714 tỷ đồng, hoàn thành 140% kế hoạch năm 2016;
- Lợi nhuận sau thuế đạt 574 tỷ đồng, hoàn thành 151% kế hoạch năm 2016;
- Thực hiện chi trả cổ tức năm 2015 cho các cổ đông PVI với tỷ lệ 20% trên mệnh giá cổ phiếu (2000 đồng/CP), cao gấp 2,2 lần so với kế hoạch ĐHĐCĐ giao (9%).

5.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty

Trong năm 2016, Ban Tổng giám đốc đã hoạt động phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ PVI và thực hiện thành công các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết HĐQT.

5.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Tuy vẫn diễn biến khó lường, nền kinh tế toàn cầu năm 2017 được dự báo có những dấu hiệu khả quan sau khi trải qua giai đoạn khó khăn đầu năm 2016, trong khi kinh tế trong nước vẫn đang tồn tại những vấn đề có tính cơ cấu dài hạn, chẳng hạn như nợ xấu ngân hàng, nợ công,... gây ảnh hưởng đến mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô. Do đó để tiếp tục phát triển lớn mạnh, giữ vững được tốc độ tăng trưởng, Hội đồng quản trị Công ty trong năm tới tập trung vào các nhiệm vụ :

- Chỉ đạo PVI hoàn thành tốt kế hoạch năm 2017 do ĐHĐCĐ giao. Bám sát diễn biến kinh tế xã hội và hoạt động kinh doanh của PVI để đưa ra các quyết sách hợp lý và kịp thời, hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2017.
- Chỉ đạo tiếp tục công tác tái cấu trúc theo chiều sâu, nâng cao hiệu quả mô hình quản trị tiên tiến và quản trị rủi ro hệ thống, giám sát tình hình hoạt động các đơn vị.
- Chỉ đạo PVI từng bước tái cơ cấu lại doanh thu và lợi nhuận theo hướng đặt khối đầu tư là khối tạo ra lợi nhuận chính cho PVI và khối bảo hiểm tạo ra nguồn doanh thu cho PVI. Đẩy mạnh hoạt động đầu tư vào những lĩnh vực PVI có lợi thế: tư vấn thu xếp vốn, đầu tư vào lĩnh vực hạ tầng công nghiệp ngành dầu khí, chế biến dầu khí, lọc hóa dầu, điện..

III - QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ
1	Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	217.009	0.1%
2	Tôn Thiện Việt	Phó CT HĐQT	0	0%
3	Bùi Vạn Thuận	Ủy viên HĐQT	88.188	0.04%
4	Nguyễn Khuyến Nguồn	Ủy viên HĐQT	0	0%
5	Dương Thanh Danh Francois	Ủy viên HĐQT	0	0%
6	Ulrich Heinz Wollschläger	Ủy viên HĐQT	0	0%
7	Tung Sing Lau	Ủy viên HĐQT	0	0%
8	Hussain Mohamed Redha Ali	Ủy viên HĐQT	0	0%

1.2. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2016, các Ủy ban thuộc HĐQT (Ủy ban Chiến lược & Phát triển, Ủy ban Kiểm toán & Quản trị rủi ro, Ủy ban Đầu tư, Ủy ban Thù lao & Bổ nhiệm) đã tư vấn và tham mưu cho HĐQT theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn giúp nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị doanh nghiệp trên toàn hệ thống PVI.

HĐQT đã kiện toàn nhân sự các Ủy ban Chiến lược và Phát triển và Ủy ban Đầu tư thông qua NQ HĐQT 09/NQ-PVI ngày 30/08/2016.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị (HĐQT) PVI đã thực hiện giám sát các hoạt động của Ban điều hành thông qua việc tham dự các cuộc họp giao ban, các báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Ban Tổng giám đốc.

Bên cạnh công tác giám sát, HĐQT đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc hoạt động phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ PVI và thực hiện đúng theo các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT. Một số công việc cụ thể như sau:

- Tổ chức thành công buổi họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 vào ngày 20/04/2016 và 4 phiên họp HĐQT định kỳ vào ngày 16/03, 31/05, 29/08 và 02/12/2016. Trong năm 2016, HĐQT đã ban hành 14 Nghị quyết HĐQT, trong đó có 06 lần xin ý kiến

các thành viên HĐQT bằng văn bản để thực hiện vai trò định hướng, chỉ đạo các hoạt động của công ty. Danh sách các Nghị quyết HĐQT năm 2016 như sau:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-PVI	23/02/2016	Triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 của PVI
2	02/NQ-PVI	01/03/2016	Công tác nhân sự tại PVI Re
3	03/NQ-PVI	18/03/2016	Các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2016
4	04/NQ-PVI	18/03/2016	Tăng vốn điều lệ cho Bảo hiểm PVI
5	05/NQ-PVI	16/05/2016	Xóa sổ kế toán và theo dõi ngoại bảng đối với các khoản phải thu khó đòi
6	06/NQ-PVI	31/05/2016	Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý I năm 2016 và kế hoạch kinh doanh Quý II năm 2016
7	07/NQ-PVI	26/08/2016	Về việc thoái vốn của PVI tại PVI Sun Life
8	08/NQ-PVI		Chấp thuận thực hiện việc chuyển nhượng phần vốn góp trong PVI Sun Life
9	09/NQ-PVI	30/08/2016	- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2016 và kế hoạch kinh doanh 6 tháng cuối năm 2016 - Kiện toàn nhân sự các Ủy ban trực thuộc HĐQT
10	10/NQ-PVI		Thực hiện chi trả cổ tức năm 2015 cho cổ đông PVI
11	11/NQ-PVI		Ký hợp đồng với PVI AM và VNX (nay là VAD), chủ trương góp vốn vào PVI Re và các nội dung khác
12	12/NQ-PVI	26/09/2016	Công tác cán bộ
13	13/NQ-PVI	03/11/2016	Góp thêm vốn vào PVI Re
14	14/NQ-PVI	05/12/2016	Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 9 tháng đầu năm 2016 và kế hoạch kinh doanh 3 tháng cuối năm 2016

- Chỉ đạo PVI hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh doanh chính như doanh thu, lợi nhuận.
- Tăng vốn điều lệ cho Bảo hiểm PVI từ 2.100 tỷ lên 2.600 tỷ đồng và thông qua chủ trương góp thêm vốn vào PVI Re để đảm bảo quy mô, năng lực tài chính cho hoạt động kinh doanh lõi và bảo vệ xếp hạng tín nhiệm A.M.Best của các công ty con.

1.4. Đào tạo về quản trị công ty:

Trong năm 2016, PVI thường xuyên cử các cán bộ quản lý (thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc...) tham dự các khóa đào tạo, các hội thảo về quản trị công ty do UBCKNN, Sở GD&ĐT Hà Nội và các đơn vị đào tạo uy tín khác tổ chức giúp nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị doanh nghiệp của PVI.

2. BAN KIỂM SOÁT

2.1. Danh sách thành viên Ban kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ
1	Bà Hà Lan	Trưởng BKS	32,767	0.014%
2	Ông Jens Wohlthat	Phó trưởng BKS	0	0%
3	Ông Oliver Massmann	Thành viên BKS	0	0%
4	Bà Trần Thu Hà	Thành viên BKS	0	0%

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

❖ Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Năm 2016, BKS tổ chức 04 cuộc họp định kỳ hàng quý vào tháng 03/2016, tháng 05/2016, tháng 08/2016 và tháng 11/2016 nhằm trao đổi những nội dung sau:

- Kiểm điểm tình hình thực hiện các kiến nghị của BKS trong quý trước;
- Trao đổi làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của PVI với đại diện Hội đồng quản trị, đại diện Ban TGD và các cán bộ liên quan;
- Thống nhất những ý kiến đánh giá và đưa ra kiến nghị với PVI;
- Xây dựng, điều chỉnh kế hoạch hoạt động của BKS.

❖ Hoạt động kiểm tra giám sát

BKS định kỳ tiến hành giám sát và đánh giá hoạt động của PVI qua các báo cáo từ các ban nghiệp vụ, người đại diện của PVI tại các công ty con, công ty liên kết và trực tiếp kiểm tra một số hồ sơ tài liệu liên quan; đồng thời phối hợp với Ban Chiến lược và Tuân thủ, Ban Tài chính kế toán và Kiểm toán xây dựng kế hoạch kiểm tra giám sát và thực hiện kiểm tra giám sát.

Nội dung kiểm tra giám sát trong năm 2016 bao gồm:

- Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của HĐQT, Ban TGD.

- Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết HĐQT và thẩm định báo cáo hoạt động của HĐQT; Giám sát các hoạt động đầu tư của PVI.
- Thẩm định Báo cáo Tài chính; Đánh giá, phân tích các chỉ tiêu tài chính hàng quý trong năm 2016;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch kinh doanh hàng quý và năm của PVI.
- Giám sát việc sửa đổi và hoàn thiện các Quy chế, quy định nội bộ của PVI.

Trong quá trình hoạt động giám sát cũng như sau mỗi quý, BKS đều có các ý kiến đánh giá, phân tích và đưa ra các kiến nghị trong công tác điều hành kinh doanh và quản lý của PVI nhằm khắc phục các tồn tại đảm bảo công tác kinh doanh của PVI đạt hiệu quả cao nhất. Các hoạt động của BKS được thực hiện theo đúng các quy định về tổ chức hoạt động của BKS PVI, quy định pháp luật của Nhà nước, Điều lệ PVI, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát:

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Thực hiện theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2016 đã thông qua.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	HDI Global SE	Người đại diện của tổ chức là người nội bộ	74.531.503	31,82%	83.711.071	35,74%	mua

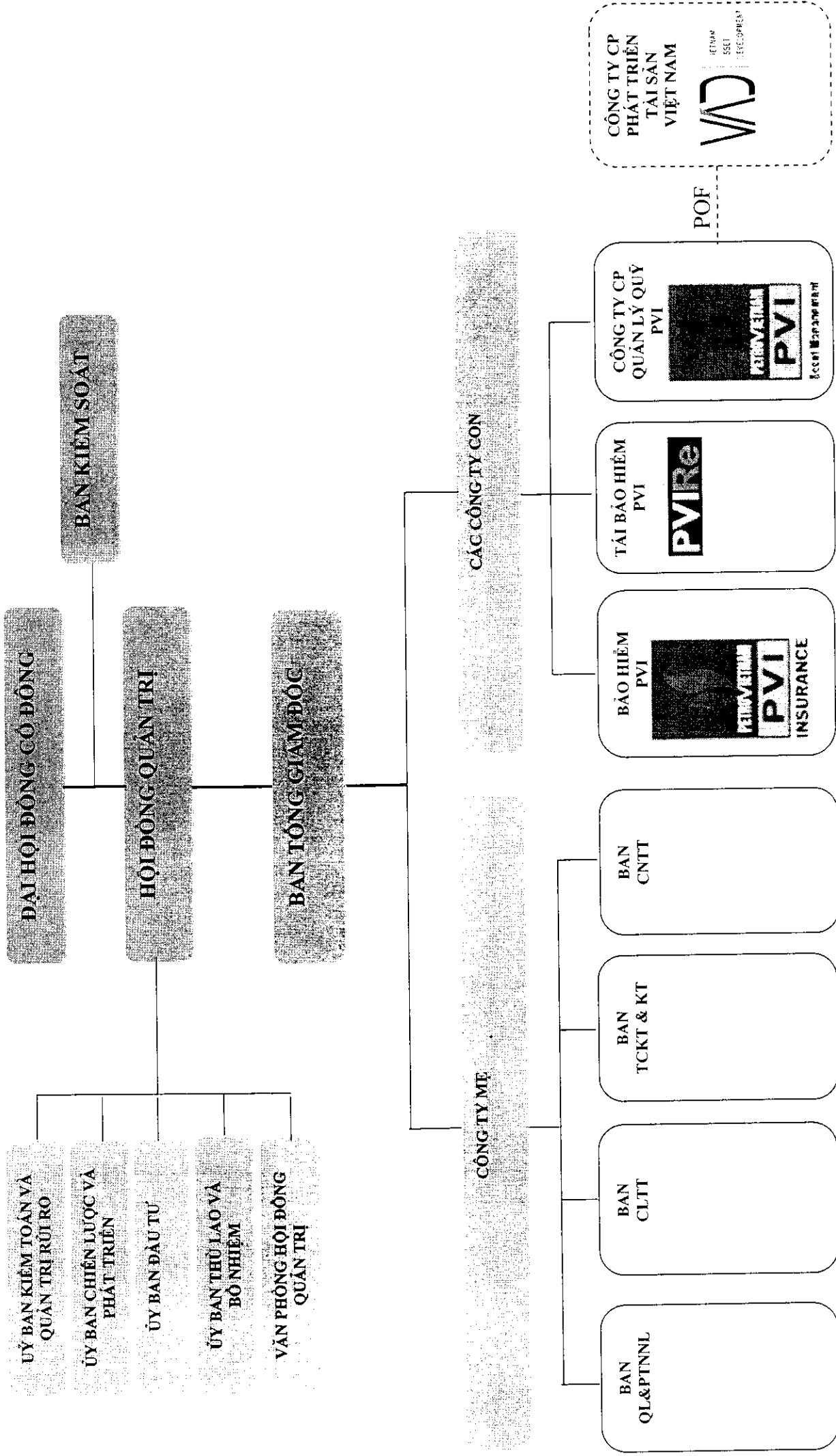
3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Thực hiện theo đúng Điều lệ và quy định của pháp luật.

IV- BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

SƠ ĐỒ QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN PVI



Ghi chú: VAD do PVI và các Công ty con của PVI đầu tư góp vốn thông qua Quỹ đầu tư cơ hội PVI (POF)

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)



HOLDINGS

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**



CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 35



CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Tôn Thiện Việt	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Văn Thuận	Ủy viên
Ông Nguyễn Khuyến Nguồn	Ủy viên
Ông Thanh Danh François Dương	Ủy viên
Ông Ulrich Heinz Wollschlager	Ủy viên
Ông Tung Sing Lau	Ủy viên
Ông Hussain Mohamed Redha Ali	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Văn Thuận	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Khắc Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phùng Tuấn Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Quốc Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Anh Đức	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

12500
CÔNG TY CỔ PHẦN PVI
HÀ NỘI
4 - TP.


CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

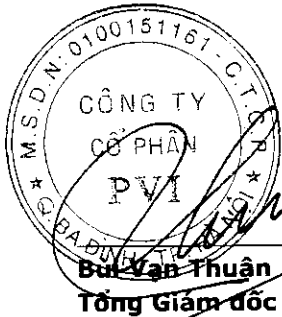
Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Ngày 14 tháng 02 năm 2017

Số: 398 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần PVI

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 02 năm 2017, từ trang 5 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

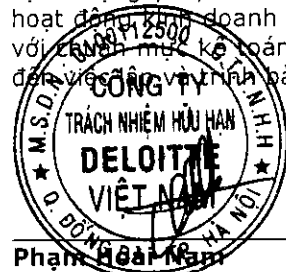
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Ngọc Hải

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0042-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 14 tháng 02 năm 2017
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

Phạm Ngọc Hải
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 2452-2013-001-1



Handwritten notes and signatures on the right margin.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.413.874.717.692	2.125.673.640.511
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	120.236.661.554	24.259.119.937
1. Tiền	111		14.236.661.554	24.259.119.937
2. Các khoản tương đương tiền	112		106.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	1.144.882.365.744	1.037.305.245.744
1. Chứng khoán kinh doanh	121		37.085.880.000	110.349.793.765
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(22.203.514.256)	(68.044.548.021)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.130.000.000.000	995.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		83.924.723.772	1.021.434.277.819
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	62.879.577.751	113.644.755.768
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		26.033.032.772	119.075.795.772
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	40.174.681.637	1.103.916.805.938
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(45.162.568.388)	(315.203.079.659)
IV. Hàng tồn kho	140		450.000	720.000
1. Hàng tồn kho	141		450.000	720.000
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		64.830.516.622	42.674.277.011
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	3.418.516.412	2.151.909.898
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		61.149.535.768	40.522.367.113
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	14	262.464.442	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.477.914.843.271	5.047.363.777.115
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		269.478.800	269.478.800
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	269.478.800	269.478.800
II. Tài sản cố định	220		155.279.451.076	162.667.177.443
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	151.185.989.765	160.280.274.244
Nguyên giá	222		216.581.539.349	208.830.722.150
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(65.395.549.584)	(48.550.447.906)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	4.093.461.311	2.386.903.199
Nguyên giá	228		27.506.804.224	24.197.828.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(23.413.342.913)	(21.810.924.801)
III. Bất động sản đầu tư	230	12	1.846.052.743.414	1.567.500.699.881
Nguyên giá	231		1.933.423.583.575	1.620.880.414.166
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(87.370.840.161)	(53.379.714.285)
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	3.475.212.729.998	3.285.195.638.664
1. Đầu tư vào công ty con	251		3.304.772.730.000	2.677.500.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252		-	422.316.450.509
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		43.500.000.000	156.753.609.354
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(33.060.000.002)	(171.374.421.199)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		160.000.000.000	200.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.100.439.983	31.730.782.327
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	1.100.439.983	31.730.782.327
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		6.891.789.560.963	7.173.037.417.626

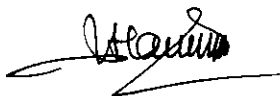
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN PVITòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch,
Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**MẪU SỐ B 01-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

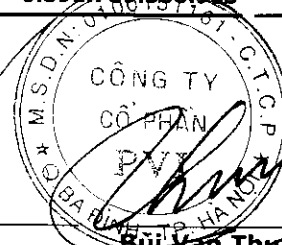
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		531.365.553.985	895.073.256.634
I. Nợ ngắn hạn	310		272.073.494.486	352.493.499.203
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		9.420.486.854	9.885.306.197
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	89.181.461.745	40.195.274.968
3. Phải trả người lao động	314		9.120.462.448	9.444.258.318
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	2.232.442.584	74.406.728.376
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		11.337.858.774	14.608.771.018
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	122.536.957.315	158.831.384.203
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	-	15.000.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		28.243.824.766	30.121.776.123
II. Nợ dài hạn	330		259.292.059.499	542.579.757.431
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		237.106.109.490	216.587.430.622
2. Phải trả dài hạn khác	337	16	21.953.420.384	20.742.918.059
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	-	305.000.000.000
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342		232.529.625	249.408.750
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.360.424.006.978	6.277.964.160.992
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	6.360.424.006.978	6.277.964.160.992
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.323.062.514.020	3.323.062.514.020
3. Cổ phiếu quỹ	415		(212.883.100.975)	(212.883.100.975)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		179.211.820.775	179.211.820.775
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		728.614.103.158	646.154.257.172
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		185.251.915.876	147.878.523.221
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		543.362.187.282	498.275.733.951
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		6.891.789.560.963	7.173.037.417.626


Đào Hải Yến
Người lập biểu

Ngày 14 tháng 02 năm 2017


Trần Duy Cường
Kế toán trưởng

Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

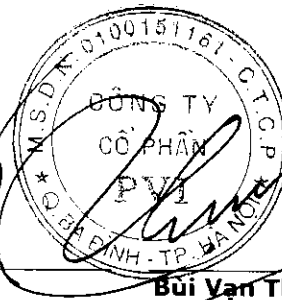
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	180.388.858.297	160.981.023.719
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10		180.388.858.297	160.981.023.719
3. Giá vốn hàng bán	11	21	145.144.463.707	141.786.042.839
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		35.244.394.590	19.194.980.880
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	802.700.506.182	819.917.819.597
6. Chi phí tài chính	22	25	76.952.491.392	148.579.155.322
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.478.619.445	34.575.410.000
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	123.004.548.925	122.962.516.013
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		637.987.860.455	567.571.129.142
9. Thu nhập khác	31		1.263.972.553	2.210.500.003
10. Chi phí khác	32		1.947.257.748	37.318.182
11. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(683.285.195)	2.173.181.821
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		637.304.575.260	569.744.310.963
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	93.942.387.978	39.691.688.265
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		543.362.187.282	530.052.622.698


Đào Hải Yến
Người lập biểu

Ngày 14 tháng 02 năm 2017


Trần Duy Cường
Kế toán trưởngBùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	637.304.575.260	569.744.310.963
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	55.657.182.728	42.997.435.180
Các khoản dự phòng	03	22.742.205.844	67.375.188.695
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(759.918.137.291)	(819.917.819.597)
Chi phí lãi vay	06	11.478.619.445	34.575.410.000
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(32.735.554.014)	(105.225.474.759)
Thay đổi các khoản phải thu	09	225.418.928.095	(437.939.811.033)
Thay đổi hàng tồn kho	10	270.000	720.000
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(125.920.165.756)	390.617.779.509
Thay đổi chi phí trả trước	12	29.363.735.830	33.803.600.358
Thay đổi chứng khoán kinh doanh	13	73.263.913.765	19.266.650.000
Tiền lãi vay đã trả	14	(13.998.619.445)	(45.105.145.556)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(45.836.820.770)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	109.555.687.705	(144.581.681.481)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(6.223.154.079)	(13.213.417.647)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	268.375.838	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.045.000.000.000)	(895.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.500.000.000.000	886.642.098.722
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(646.022.730.000)	(68.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	1.708.727.000.489	203.966.650.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	239.646.855.664	463.302.275.715
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	751.396.347.912	577.197.606.790

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

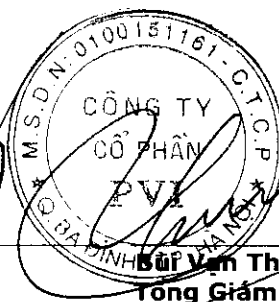
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(50.468.120.000)
2. Tiền thu từ đi vay	33	-	360.000.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(320.000.000.000)	(570.000.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(444.974.494.000)	(199.552.461.930)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(764.974.494.000)	(460.020.581.930)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	95.977.541.617	(27.404.656.621)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	24.259.119.937	51.663.776.558
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	120.236.661.554	24.259.119.937

Đào Hải Yến
Người lập biểu

Ngày 14 tháng 02 năm 2017

Trần Duy Cường
Kế toán trưởng



Búp Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 42 GP/KDBH ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Từ ngày 10 tháng 8 năm 2007, cổ phiếu của Công ty Cổ phần PVI được niêm yết trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

Ngày 28 tháng 6 năm 2011, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy phép kinh doanh số 0100151161 sửa đổi, bổ sung lần thứ 12, đổi tên thành Công ty Cổ phần PVI, sửa đổi và bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.

Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình công ty mẹ, công ty con theo Giấy phép kinh doanh mới từ ngày 01 tháng 8 năm 2011.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 45 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 43 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty gồm kinh doanh dịch vụ tài chính và kinh doanh bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động nắm giữ tài sản;
- Hoạt động dịch vụ tài chính;
- Kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Công ty đã thực hiện thanh lý toàn bộ khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Công ty là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life và Công ty Cổ phần Đầu tư PV2.

Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty con sở hữu trực tiếp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 gồm:

- Tổng Công ty Bảo hiểm PVI (PVI Insurance)
- Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (PVI Re-insurance)
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI (PVI AM)
- Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (POF) (i)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

- (i) Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (POF) được thành lập ngày 08 tháng 10 năm 2015 dưới hình thức quỹ đóng theo Thông báo số 215/TB-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. POF được góp vốn bởi Công ty và các công ty con của Công ty là Tổng Công ty Bảo hiểm PVI và Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI. POF được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI, thời gian hoạt động của POF là 05 năm. Ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, Công ty đã áp dụng Thông tư số 53/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 21 tháng 3 năm 2016 ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200"). Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 53 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính riêng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.



10/11/2016
10/11/2016
10/11/2016
10/11/2016
10/11/2016

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư (không bao gồm đầu tư vào công ty con và công ty liên kết).

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

c. Đầu tư vào công ty con và đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI ("POF")

Khoản đầu tư góp vốn vào POF được phản ánh trên cơ sở giá gốc. Thu nhập phát sinh từ khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi từ Ban Đại diện Quỹ vào thời điểm cuối năm.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư góp vốn vào POF được ghi nhận khi giá trị vốn góp của các bên tại POF lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có (NAV) của POF tại thời điểm cuối năm tài chính.

d. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 40
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 6

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và bản quyền các phần mềm khác (gọi chung là "phần mềm máy tính"). Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê là nhà văn phòng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư. Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 39,5 năm.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất do Công ty nắm giữ nhằm thu lợi từ việc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa và các khoản chi phí trả trước khác.

Chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa

Ngày 20 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 203/2009/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định cho các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động tại Việt Nam (được thay thế bằng Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 6 năm 2013). Theo đó, "Các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo phương pháp dòng tiền chiết khấu (DCF) thì phần chênh lệch tăng của vốn Nhà nước giữa giá trị thực tế và giá trị ghi trên sổ sách kế toán không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh nhưng thời gian không quá 10 năm. Thời điểm bắt đầu phân bổ vào chi phí là thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)". Thông tư số 203/2009/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đã được Công ty áp dụng để ghi nhận phần chênh lệch giữa giá trị thực tế của phần vốn Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa) với giá trị ghi sổ là 213.785.395.213 VND sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ đều vào chi phí trong vòng 8 năm kể từ năm 2009.

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, khoản chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 3 năm. Phần giá trị chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa chưa phân bổ hết tại ngày 01 tháng 01 năm 2015 được Công ty xác định sẽ phân bổ vào chi phí trong thời gian 2 năm tiếp theo. Năm 2016 là năm cuối cùng phân bổ khoản chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa này.

Các khoản chi phí trả trước khác

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Một khoản cho thuê được xem là cho thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong năm, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính riêng này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ tại doanh nghiệp

Toàn bộ phần lợi nhuận được sử dụng để trả cổ tức cho các cổ đông, trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, trích Quỹ thưởng ban điều hành và các quỹ khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tỷ lệ phân phối cho từng khoản mục trên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng Quản trị. Tuy nhiên, theo Điều lệ của Công ty, Hội đồng Quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa niên độ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

25
G
M
N
T

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	611.381.929	417.814.651
Tiền gửi ngân hàng	13.625.279.625	23.841.305.286
Các khoản tương đương tiền (i)	106.000.000.000	-
	<u>120.236.661.554</u>	<u>24.259.119.937</u>

- (i) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng trong nước có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư.

10/5
TY
QUẢN
TRỊ
M
11/9/1

**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm		Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	Giá gốc	VND	Giá trị hợp lý	VND							
a) Chứng khoán kinh doanh	37.085.880.000		14.882.365.744		(22.203.514.256)	110.349.793.765	42.305.245.744	(68.044.548.021)	110.349.793.765	42.305.245.744	(68.044.548.021)
- Tổng giá trị cổ phiếu	37.085.880.000		14.882.365.744		(22.203.514.256)	110.349.793.765	42.305.245.744	(68.044.548.021)	110.349.793.765	42.305.245.744	(68.044.548.021)
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.290.000.000.000		1.290.000.000.000		-	1.195.000.000.000	1.195.000.000.000	-	1.195.000.000.000	1.195.000.000.000	-
b1) Ngắn hạn	1.130.000.000.000		1.130.000.000.000		-	995.000.000.000	995.000.000.000	-	995.000.000.000	995.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	1.130.000.000.000		1.130.000.000.000		-	545.000.000.000	545.000.000.000	-	545.000.000.000	545.000.000.000	-
- Các khoản đầu tư khác (ii)	-		-		-	450.000.000.000	450.000.000.000	-	450.000.000.000	450.000.000.000	-
b2) Dài hạn	160.000.000.000		160.000.000.000		-	200.000.000.000	200.000.000.000	-	200.000.000.000	200.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn (i)	160.000.000.000		160.000.000.000		-	200.000.000.000	200.000.000.000	-	200.000.000.000	200.000.000.000	-
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	3.348.272.730.000		3.514.691.655.869		(33.060.000.002)	3.256.570.059.863	3.311.916.118.739	(171.374.421.199)	3.256.570.059.863	3.311.916.118.739	(171.374.421.199)
- Đầu tư vào công ty con	3.304.772.730.000		3.504.251.655.871		-	2.677.500.000.000	2.843.881.286.193	-	2.677.500.000.000	2.843.881.286.193	-
+ Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	2.600.000.000.000		2.715.550.514.350		-	2.100.000.000.000	2.211.087.755.377	-	2.100.000.000.000	2.211.087.755.377	-
+ Tổng Công ty Cổ phần Tài Bảo hiểm PVI	460.000.000.000		532.637.784.479		-	460.000.000.000	512.815.500.989	-	460.000.000.000	512.815.500.989	-
+ Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI	17.500.000.000		19.593.046.193		-	17.500.000.000	18.824.859.271	-	17.500.000.000	18.824.859.271	-
+ Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI	227.272.730.000		236.470.310.849		-	100.000.000.000	101.153.170.556	-	100.000.000.000	101.153.170.556	-
- Đầu tư vào công ty liên kết (iii)	-		-		-	422.316.450.509	285.089.638.666	(137.226.811.843)	422.316.450.509	285.089.638.666	(137.226.811.843)
- Đầu tư vào đơn vị khác	43.500.000.000		10.439.999.998		(33.060.000.002)	156.753.609.354	182.945.193.880	(34.147.609.356)	156.753.609.354	182.945.193.880	(34.147.609.356)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng trong nước có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày báo cáo.

Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng trong nước có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ ngày báo cáo.

- (ii) Các khoản đầu tư khác phản ánh hợp đồng hợp tác đầu tư bất động sản. Trong năm, Công ty đã thực hiện tất toán toàn bộ giá trị hợp đồng này.

- (iii) Đầu tư vào công ty liên kết phản ánh các khoản đầu tư vào Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life và Công ty Cổ phần PV2. Trong năm, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ phần vốn đầu tư vào các công ty liên kết này.

Thông tin chi tiết về các công ty con thuộc sở hữu trực tiếp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	Hà Nội	100	100	Bảo hiểm phi nhân thọ
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI	Hà Nội	68,86	73,11	Tái bảo hiểm
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ PVI	Hà Nội	35	65	Quản lý quỹ đầu tư
Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI	Hà Nội	22,73	100	Quỹ đầu tư

Thông tin chi tiết về Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI ("POF"):

POF được thành lập ngày 08 tháng 10 năm 2015 dưới hình thức quỹ đóng theo Thông báo số 215/TB-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. POF được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI, thời gian hoạt động của POF là 05 năm. Ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

Tổng số vốn của POF tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.000.000.000.000 VND, được góp bởi các bên như sau:

	Số vốn góp VND	Tỷ lệ góp vốn %
Công ty Cổ phần PVI	227.272.730.000	22,73
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	568.181.820.000	56,82
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI	204.545.450.000	20,45
	1.000.000.000.000	100

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

- Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con trong năm: các công ty con của Công ty trong năm 2016 hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh đã đăng ký và không có thay đổi trọng yếu nào về hoạt động kinh doanh so với năm trước.

- Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và các công ty con trong năm gồm:

+ Công ty mẹ cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin (cung cấp phần mềm, cung cấp đường truyền dữ liệu) cho các công ty con;

+ Các công ty con chia lợi nhuận cho Công ty mẹ/chia cổ tức cho Công ty mẹ;

+ Công ty Cổ phần Quản lý quỹ PVI cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý danh mục đầu tư cho Công ty mẹ và các công ty con khác của Công ty mẹ; nhận chuyển nhượng các khoản đầu tư từ Công ty mẹ.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính được xác định như sau:

- Giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh đã niêm yết được xác định theo giá thực tế trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) được xác định theo giá giao dịch bình quân tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Với các khoản chứng khoán kinh doanh khác, giá trị hợp lý được xác định bằng các phương pháp định giá phù hợp gồm: phương pháp so sánh với các chứng khoán kinh doanh tương đồng có giá thị trường và phương pháp giá trị tài sản ròng.

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn dài hạn được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư.

- Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi ngắn hạn được xác định bằng giá trị ghi sổ.

- Đối với khoản đầu tư khác không có đủ thông tin trên thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được phản ánh thay cho giá trị hợp lý.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
- Dự thu lãi đầu tư	49.661.388.889	44.620.916.661
- Các khoản phải thu khách hàng khác	13.218.188.862	69.023.839.107
	62.879.577.751	113.644.755.768

8. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	40.174.681.637	1.103.916.805.938
- Tạm ứng cho người lao động	247.153.500	546.761.541
- Phải thu về chuyển nhượng vốn góp (i)	-	780.000.000.000
- Phải thu khác (ii)	39.927.528.137	323.370.044.397
b) Dài hạn	269.478.800	269.478.800
- Ký cược, ký quỹ	269.478.800	269.478.800

(i) Số dư đầu năm phản ánh khoản phải thu về chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life. Số tiền này đã được bên mua thanh toán trong năm 2016.

(ii) Phải thu khác chủ yếu bao gồm các khoản đầu tư đến hạn thanh toán được phân loại lại sang các khoản phải thu khác.

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị các khoản phải thu	45.162.568.388	45.162.568.388	315.203.079.659	315.203.079.659

- Giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu đã trích lập dự phòng được xác định bằng giá gốc trừ dự phòng đã trích lập.

- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm..., theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.

- Khả năng thu hồi các khoản phải thu đã trích lập dự phòng thấp do các đối tác của Công ty đều gặp khó khăn về tài chính hoặc trong tình trạng phá sản.

11/11 2011 11/11

**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	116.062.603.669	10.552.440.384	82.215.678.097	-	208.830.722.150
Tăng trong năm	-	-	3.017.977.855	8.002.079.194	11.020.057.049
- Mua sắm mới	-	-	3.017.977.855	8.002.079.194	11.020.057.049
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.269.239.850)	-	(3.269.239.850)
Số dư cuối năm	116.062.603.669	10.552.440.384	81.964.416.102	8.002.079.194	216.581.539.349
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	16.736.334.712	9.809.445.597	22.004.667.597	-	48.550.447.906
Trích khấu hao trong năm	6.585.931.545	409.139.341	13.068.567.854	-	20.063.638.740
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.218.537.062)	-	(3.218.537.062)
Số dư cuối năm	23.322.266.257	10.218.584.938	31.854.698.389	-	65.395.549.584
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	99.326.268.957	742.994.787	60.211.010.500	-	160.280.274.244
Tại ngày cuối năm	92.740.337.412	333.855.446	50.109.717.713	8.002.079.194	151.185.989.765

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 18.483.296.307 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 15.837.455.092 VND).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	24.197.828.000
Tăng trong năm	3.308.976.224
- Mua sắm mới	3.308.976.224
Số dư cuối năm	27.506.804.224
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	21.810.924.801
Trích khấu hao trong năm	1.602.418.112
Số dư cuối năm	23.413.342.913
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	2.386.903.199
Tại ngày cuối năm	4.093.461.311

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 20.527.112.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 19.645.112.000 VND).

00112
CÔNG
NHIE
ELO
TẾT
ĐA.

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

12. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	1.201.971.027.928	-	-	1.201.971.027.928
- Nhà và quyền sử dụng đất (i)	1.201.971.027.928	-	-	1.201.971.027.928
Giá trị hao mòn lũy kế	53.379.714.285	33.991.125.876	-	87.370.840.161
- Nhà và quyền sử dụng đất (i)	53.379.714.285	33.991.125.876	-	87.370.840.161
Giá trị còn lại	1.148.591.313.643	(33.991.125.876)	-	1.114.600.187.767
- Nhà và quyền sử dụng đất (i)	1.148.591.313.643	(33.991.125.876)	-	1.114.600.187.767
b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá	418.909.386.238	312.543.169.409	-	731.452.555.647
- Nhà và quyền sử dụng đất (ii)	418.909.386.238	312.543.169.409	-	731.452.555.647
Tổn thất do suy giảm giá trị	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất (ii)	-	-	-	-
Giá trị còn lại	418.909.386.238	312.543.169.409	-	731.452.555.647
- Nhà và quyền sử dụng đất (ii)	418.909.386.238	312.543.169.409	-	731.452.555.647

- (i) Bất động sản đầu tư dùng để cho thuê phản ánh phần giá trị của tòa nhà PVI tương ứng với phần khối lượng đã hoàn thành và cho thuê được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 39,5 năm.
- (ii) Thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất do Công ty nắm giữ với mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với các bất động sản đầu tư này theo quy định hiện hành.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.418.516.412	2.151.909.898
- Chi phí trang trí nội thất tòa nhà PVI	3.418.516.412	2.151.909.898
b) Dài hạn	1.100.439.983	31.730.782.327
- Chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa	-	26.723.174.402
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.100.439.983	5.007.607.925
	4.518.956.395	33.882.692.225

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Phát sinh trong năm			Số cuối năm
	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	
	VND	VND	VND	
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	262.464.442	-	262.464.442
Cộng	-	262.464.442	-	262.464.442
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	14.634.645.794	14.634.645.794	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	39.429.223.823	94.204.852.420	45.836.820.770	87.797.255.473
Thuế, phí phải nộp khác	766.051.145	12.105.174.228	11.487.019.101	1.384.206.272
Cộng	40.195.274.968	120.944.672.442	71.958.485.665	89.181.461.745

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Lãi vay dự trả	-	2.520.000.000
- Phải trả xây dựng tòa nhà PVI	-	64.368.531.150
- Khác	2.232.442.584	7.518.197.226
	2.232.442.584	74.406.728.376

16. PHẢI TRẢ KHÁC

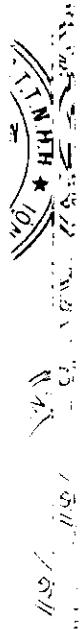
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	122.536.957.315	158.831.384.203
- Kinh phí công đoàn	612.466.774	520.805.756
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	121.924.490.541	158.310.578.447
b) Dài hạn	21.953.420.384	20.742.918.059
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	21.953.420.384	20.742.918.059

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào chưa thanh toán.

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Số có khả năng trả nợ	
	Giá trị VND	VND	VND	VND	Giá trị VND	VND
Vay ngắn hạn (vay dài hạn đến hạn trả)						
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	15.000.000.000	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-	-
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	305.000.000.000	305.000.000.000	-	305.000.000.000	-	-
Cộng	320.000.000.000	320.000.000.000	-	320.000.000.000	-	-

Vay dài hạn thể hiện khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam ("VIB") theo Hợp đồng vay dài hạn số 01/2015/VIB-PVI ký ngày 25 tháng 11 năm 2015 với số tiền 360.000.000.000 VND. Tài sản đảm bảo của khoản vay là tòa nhà văn phòng PVI tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Nợ gốc vay sẽ được trả 14 lần theo kỳ hạn 6 tháng/kỳ bắt đầu vào ngày rút vốn đầu tiên sau 6 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Số tiền phải trả từ kỳ 1 đến kỳ 13 là 25.700.000.000 VND, dư nợ gốc còn lại trả vào kỳ cuối của khoản vay. Lãi suất vay cố định trong 3 tháng đầu kể từ ngày rút vốn đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 3 tháng/lần bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do VIB công bố cộng biên độ 1,0%/năm. Trong năm, Công ty đã thực hiện tất toán hợp đồng vay dài hạn này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	VND
Số dư đầu năm trước	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(162.414.980.975)	179.211.820.775	350.423.034.902	6.032.701.058.722	
Thay đổi cổ phiếu quỹ	-	-	(50.468.120.000)	-	-	(50.468.120.000)	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	530.052.622.698	530.052.622.698	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(34.263.778.128)	(34.263.778.128)	
Chia cổ tức	-	-	-	-	(200.057.622.300)	(200.057.622.300)	
Số dư đầu năm nay	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(212.883.100.975)	179.211.820.775	646.154.257.172	6.277.964.160.992	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	543.362.187.282	543.362.187.282	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	(15.927.847.296)	(15.927.847.296)	
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	-	(444.974.494.000)	(444.974.494.000)	
Số dư cuối năm nay	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(212.883.100.975)	179.211.820.775	728.614.103.158	6.360.424.006.978	

(i) Trong năm, Công ty trích lập bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận của năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2016.

(ii) Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2015 với tỷ lệ 20% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2016 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 10/NQ-PVI ngày 30 tháng 8 năm 2016.



18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
+ Vốn góp cuối năm	2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
- Cổ tức đã chia	(444.974.494.000)	(200.057.622.300)

Cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u> Cổ phiếu	<u>Số đầu năm</u> Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	234.241.867	234.241.867
Cổ phiếu phổ thông	234.241.867	234.241.867
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	234.241.867	234.241.867
Cổ phiếu phổ thông	234.241.867	234.241.867
Số lượng cổ phiếu được mua lại	11.754.600	11.754.600
Cổ phiếu phổ thông	11.754.600	11.754.600
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	222.487.267	222.487.267
Cổ phiếu phổ thông	222.487.267	222.487.267

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Đơn vị	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
1. Ngoại tệ các loại			
+ Đô la Mỹ	USD	12.832,69	12.778,49
+ Euro	EUR	341,56	353,30
2. Nợ khó đòi đã xử lý	VND	270.040.511.271	-

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

a) Doanh thu

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Doanh thu cho thuê văn phòng	132.345.622.119	124.400.099.841
Doanh thu hoạt động kinh doanh sản phẩm công nghệ thông tin	48.043.236.178	36.580.923.878
	<u>180.388.858.297</u>	<u>160.981.023.719</u>

b) Doanh thu đối với các bên liên quan

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	50.037.204.787	53.387.734.414
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	7.459.570.561	9.432.020.218
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI	3.494.991.513	1.612.700.000

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Giá vốn hoạt động cho thuê văn phòng	103.173.768.083	108.790.002.962
Giá vốn hoạt động kinh doanh sản phẩm công nghệ thông tin	41.970.695.624	32.996.039.877
	<u>145.144.463.707</u>	<u>141.786.042.839</u>

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Chi phí nhân công	24.819.604.534	28.233.070.096
Chi phí văn phòng	4.795.009.192	7.596.430.377
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.687.103.275	7.949.272.258
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.984.875.986	23.354.381.521
Chi phí khác bằng tiền	59.717.955.938	55.829.361.761
	<u>123.004.548.925</u>	<u>122.962.516.013</u>

100
 C
 CH
 E
 VI
 GE
 C
 C
 C
 V
 P
 V
 13

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	24.819.604.534	28.233.070.096
Chi phí văn phòng	4.795.009.192	7.596.430.377
Chi phí khấu hao tài sản cố định	55.657.182.728	42.997.435.180
Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.814.724.537	75.044.565.350
Chi phí khác bằng tiền	119.062.491.641	110.877.057.849
	268.149.012.632	264.748.558.852

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	67.205.964.963	58.964.957.441
Cổ tức, lợi nhuận được chia	164.539.908.702	292.769.666.323
Lãi từ chuyển nhượng cổ phần, vốn góp	530.830.847.667	468.000.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	40.123.784.850	183.195.833
	802.700.506.182	819.917.819.597

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí hoạt động kinh doanh cổ phiếu	87.905.301	244.536.590
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư	22.742.205.844	79.409.471.266
Chi phí lãi vay	11.478.619.445	34.575.410.000
Chi phí tài chính khác	42.643.760.802	34.349.737.466
	76.952.491.392	148.579.155.322

112
 NG
 HIEM
 LOI
 T M
 A.
 11/11/15
 B.

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lợi nhuận trước thuế	637.304.575.260	569.744.310.963
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(201.659.603.220)	(296.769.666.323)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(164.539.908.702)	(292.769.666.323)
- Dự phòng đầu tư tài chính đã loại ở năm trước được trừ ở năm nay	(36.105.700.000)	(4.000.000.000)
- Thu nhập không chịu thuế khác	(1.013.994.518)	-
Trừ: Chuyển lỗ các năm trước	-	(97.763.941.026)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.028.531.933	5.206.061.228
- Thủ lao Hội đồng Quản trị	96.000.000	96.000.000
- Khấu hao xe ô tô có nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng	25.726.027	104.333.333
- Chi phí khác không được khấu trừ	2.906.805.906	5.005.727.895
Thu nhập chịu thuế	438.673.503.973	180.416.764.842
Thuế suất thông thường	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	87.734.700.795	39.691.688.265
Thuế nộp bổ sung theo biên bản kiểm tra thuế	6.207.687.184	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	93.942.387.979	39.691.688.265

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay trừ tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Các khoản vay	-	320.000.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	120.236.661.554	24.259.119.937
Nợ thuần	-	295.740.880.063
Vốn chủ sở hữu	6.360.424.006.978	6.277.964.160.992
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	0,05

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	120.236.661.554	120.236.661.554	24.259.119.937	24.259.119.937
Phải thu khách hàng và phải thu khác	57.914.016.300	57.914.016.300	902.081.199.306	902.081.199.306
Đầu tư tài chính	1.315.322.365.742	1.315.322.365.742	1.359.911.245.742	1.420.250.439.624
Tổng cộng	1.493.473.043.596	1.493.473.043.596	2.286.251.564.985	2.346.590.758.867
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán và phải trả khác	153.299.194.723	153.299.194.723	189.459.608.459	189.459.608.459
Chi phí phải trả	2.232.442.584	2.232.442.584	74.406.728.376	74.406.728.376
Các khoản vay	-	-	320.000.000.000	320.000.000.000
Tổng cộng	155.531.637.307	155.531.637.307	583.866.336.835	583.866.336.835

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như trình bày tại Thuyết minh số 6.
- Giá trị hợp lý của các khoản mục ngắn hạn gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả ngắn hạn và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không có đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào công ty con không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được nắm giữ trong dài hạn và sẽ chuyển nhượng khi có điều kiện thuận lợi.

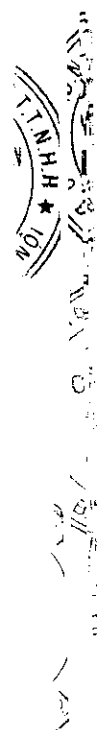
Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ các khoản ủy thác đầu tư và hợp tác đầu tư. Rủi ro tín dụng đã được Ban Tổng Giám đốc đánh giá một cách thận trọng như trình bày tại Thuyết minh số 6 và số 9.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đảo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	120.236.661.554	-	120.236.661.554
Phải thu khách hàng và phải thu khác	57.644.537.500	269.478.800	57.914.016.300
Đầu tư tài chính	1.144.882.365.744	170.439.999.998	1.315.322.365.742
Tổng cộng	1.322.763.564.798	170.709.478.798	1.493.473.043.596
Phải trả người bán và phải trả khác	131.345.774.339	21.953.420.384	153.299.194.723
Chi phí phải trả	2.232.442.584	-	2.232.442.584
Các khoản vay	-	-	-
Tổng cộng	133.578.216.923	21.953.420.384	155.531.637.307
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.189.185.347.875	148.756.058.414	1.337.941.406.289
	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Số đầu năm			
Tiền	24.259.119.937	-	24.259.119.937
Phải thu khách hàng và phải thu khác	901.811.720.506	269.478.800	902.081.199.306
Đầu tư tài chính	1.037.305.245.744	322.605.999.998	1.359.911.245.742
Tổng cộng	1.963.376.086.187	322.875.478.798	2.286.251.564.985
Phải trả người bán và phải trả khác	168.716.690.400	20.742.918.059	189.459.608.459
Chi phí phải trả	74.406.728.376	-	74.406.728.376
Các khoản vay	15.000.000.000	305.000.000.000	320.000.000.000
Tổng cộng	258.123.418.776	325.742.918.059	583.866.336.835
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.705.252.667.411	(2.867.439.261)	1.702.385.228.150


Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

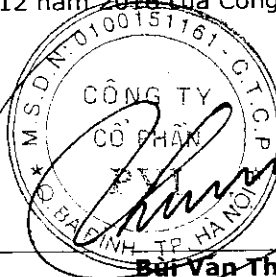
Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.



Đào Hải Yến
Người lập biểu



Trần Duy Cường
Kế toán trưởng




Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 02 năm 2017

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**



CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 43

1007
CÔ
ÁCH
DE
VIỆ
NG E

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Tôn Thiện Việt	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Vạn Thuận	Ủy viên
Ông Nguyễn Khuyến Nguồn	Ủy viên
Ông Thanh Danh François Dương	Ủy viên
Ông Ulrich Heinz Wollschlager	Ủy viên
Ông Tung Sing Lau	Ủy viên
Ông Hussain Mohamed Redha Ali	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Vạn Thuận	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Khắc Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phùng Tuấn Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Quốc Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Anh Đức	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

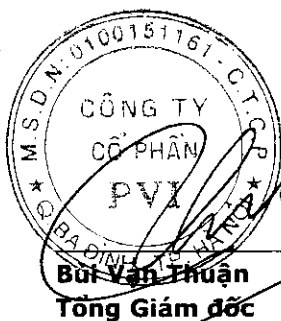
Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

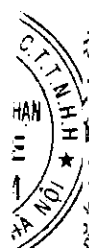
Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ngày 14 tháng 02 năm 2017



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần PVI

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 02 năm 2017, từ trang 5 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0042-2013-001-1

Phạm Ngọc Hải
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2452-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 14 tháng 02 năm 2017
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		14.126.313.759.061	12.527.146.085.646
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	706.885.123.558	758.738.988.078
1. Tiền	111		210.885.123.558	333.738.988.078
2. Các khoản tương đương tiền	112		496.000.000.000	425.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	6.290.261.700.621	5.833.067.587.118
1. Chứng khoán kinh doanh	121		227.513.580.247	158.392.135.139
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(22.203.514.257)	(68.044.548.021)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		6.084.951.634.631	5.742.720.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.857.861.819.169	5.723.479.179.426
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	6.228.327.995.927	4.730.246.042.495
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		245.059.667.626	169.838.421.326
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	693.388.502.471	1.342.028.470.328
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(308.914.346.855)	(518.633.754.723)
IV. Hàng tồn kho	140		8.218.238.815	2.457.894.310
1. Hàng tồn kho	141		8.218.238.815	2.457.894.310
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		263.086.876.898	209.402.436.714
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	175.093.071.207	153.788.546.126
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		70.902.129.452	43.440.533.719
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	17.091.676.239	12.173.356.869
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.516.247.016.894	2.980.277.086.583
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		23.074.229.514	20.054.676.221
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	23.074.229.514	20.054.676.221
II. Tài sản cố định	220		301.785.328.644	277.385.492.820
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	212.532.063.227	216.364.497.915
<i>Nguyên giá</i>	222		357.573.851.065	328.895.243.730
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(145.041.787.838)	(112.530.745.815)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	89.253.265.417	61.020.994.905
<i>Nguyên giá</i>	228		167.633.613.500	118.690.662.723
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(78.380.348.083)	(57.669.667.818)
III. Bất động sản đầu tư	230	12	1.846.052.743.414	1.567.500.699.881
<i>Nguyên giá</i>	231		1.933.423.583.575	1.620.880.414.166
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(87.370.840.161)	(53.379.714.285)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.478.803.526	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		907.634.717	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.571.168.809	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	302.031.465.624	1.067.330.493.363
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252		-	333.172.027.732
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		455.301.399.865	568.700.276.773
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(313.269.934.241)	(114.541.811.142)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		160.000.000.000	280.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		39.824.446.172	48.005.724.298
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	20.989.255.406	48.005.724.298
2. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	262		18.835.190.766	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		16.642.560.775.955	15.507.423.172.229

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		9.821.118.850.467	8.773.459.800.754
I. Nợ ngắn hạn	310		9.712.408.608.443	8.373.669.642.252
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	1.761.423.619.445	1.513.912.984.878
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		363.983.345.094	155.164.227.025
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	119.949.475.893	62.974.658.636
4. Phải trả người lao động	314		109.669.277.404	70.194.346.440
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	2.792.061.302	75.297.993.929
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		37.939.911.890	33.957.998.636
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	49.474.872.149	177.884.825.197
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	-	15.000.000.000
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	18	7.235.052.600.876	6.237.172.055.057
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		32.123.444.390	32.110.552.454
II. Nợ dài hạn	330		108.710.242.024	399.790.158.502
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		84.592.560.483	71.722.979.988
2. Phải trả dài hạn khác	337	17	21.846.807.001	20.638.304.676
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	-	305.000.000.000
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	18	2.270.874.540	2.428.873.838
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.821.441.925.488	6.733.963.371.475
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	6.821.441.925.488	6.733.963.371.475
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.323.062.514.020	3.323.062.514.020
3. Cổ phiếu quỹ	415		(212.883.100.975)	(212.883.100.975)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		179.211.820.775	179.211.820.775
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		130.673.311.056	121.923.844.478
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		829.318.903.385	761.177.139.042
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		298.164.274.256	196.735.476.836
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		531.154.629.129	564.441.662.206
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		229.639.807.227	219.052.484.135
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		16.642.560.775.955	15.507.423.172.229

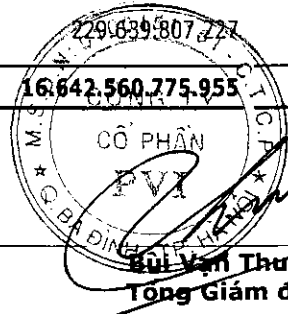


Lâm Thị Lan Phương
Người lập biểu

Ngày 14 tháng 02 năm 2017



Trần Duy Cường
Kế toán trưởng



Trần Văn Thuận
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

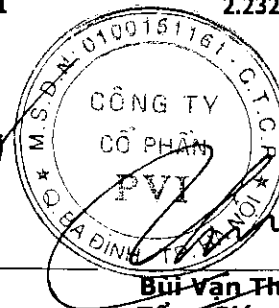
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	8.074.062.845.882	8.739.824.385.238
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	3.288.006.910.031	4.192.445.302.952
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		4.786.055.935.851	4.547.379.082.286
4. Giá vốn hàng bán	11	25	4.229.612.248.320	3.922.413.638.461
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		556.443.687.531	624.965.443.825
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	1.084.213.268.219	1.180.985.537.839
7. Chi phí tài chính	22	29	428.416.767.652	361.684.232.763
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.478.619.445	34.575.410.000
8. Phần lãi trong công ty liên kết	24		-	152.774.163
9. Chi phí bán hàng	25		-	69.833.182.184
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	497.153.873.452	665.409.757.330
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		715.086.314.646	709.176.583.550
12. Thu nhập khác	31		5.076.713.002	2.945.472.613
13. Chi phí khác	32		5.974.284.502	3.665.608.674
14. (Lỗ) nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(897.571.500)	(720.136.061)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		714.188.743.146	708.456.447.489
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	159.380.728.227	132.202.211.318
17. (Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	52		(18.835.190.766)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		573.643.205.685	576.254.236.171
18.1. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		539.658.050.414	600.520.069.955
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		33.985.155.271	(24.265.833.784)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	2.232	2.548

Lâm Thị Lan Phương
Người lập biểu

Ngày 14 tháng 02 năm 2017

Trần Duy Cường
Kế toán trưởng



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	714.188.743.146	708.456.447.489
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	89.929.220.922	115.046.393.080
Các khoản dự phòng	03	297.835.878.494	(739.568.578.319)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	11.539.095.006	11.748.866.656
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(927.312.870.320)	(989.550.148.515)
Chi phí lãi vay	06	11.478.619.445	34.575.410.000
3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	197.658.686.693	(859.291.609.609)
Thay đổi các khoản phải thu	09	(553.205.575.965)	174.360.156.261
Thay đổi hàng tồn kho	10	(5.760.344.505)	(346.754.990)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	585.618.935.163	1.480.820.775.228
Thay đổi chi phí trả trước	12	5.711.943.811	108.937.951.483
Thay đổi chứng khoán kinh doanh	13	(69.121.445.108)	(28.775.691.374)
Tiền lãi vay đã trả	14	(13.998.619.445)	(45.105.145.556)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(123.780.425.501)	(131.538.839.423)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	7.949.587.869
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.410.959.378)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	19.712.195.765	707.010.429.889
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(533.700.199.270)	(47.569.850.460)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	268.375.838	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(6.925.618.640.551)	(8.043.265.829.735)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	6.136.286.467.896	6.994.753.519.149
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(18.750.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.678.476.000.489	203.966.650.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	386.493.632.647	575.745.405.793
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	723.455.637.049	(316.370.105.253)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)*(Theo phương pháp gián tiếp)*

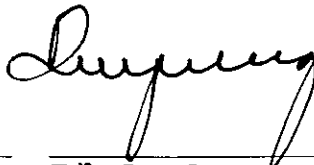
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

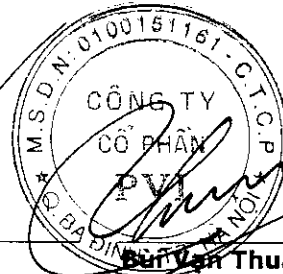
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	652.980.000	66.500.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(54.938.880.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	5.000.000.000	365.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(325.000.000.000)	(575.000.000.000)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(475.674.677.334)	(227.286.968.304)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(795.021.697.334)	(425.725.848.304)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(51.853.864.520)	(35.085.523.668)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	758.738.988.078	793.824.511.746
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	706.885.123.558	758.738.988.078



Lâm Thị Lan Phương
Người lập biểu



Trần Duy Cường
Kế toán trưởng



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 02 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 42 GP/KDBH ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Từ ngày 10 tháng 8 năm 2007, cổ phiếu của Công ty Cổ phần PVI được niêm yết trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

Ngày 28 tháng 6 năm 2011, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy phép kinh doanh số 0100151161 sửa đổi bổ sung lần thứ 12, đổi tên thành Công ty Cổ phần PVI, sửa đổi và bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.

Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình công ty mẹ, công ty con theo Giấy phép kinh doanh mới từ ngày 01 tháng 8 năm 2011.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 2.384 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 2.201 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty gồm kinh doanh dịch vụ tài chính và kinh doanh bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty và các công ty con như sau:

- Hoạt động nắm giữ tài sản;
- Kinh doanh bảo hiểm và tái bảo hiểm;
- Hoạt động dịch vụ tài chính;
- Kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty đã thực hiện thanh lý toàn bộ khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Công ty là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life và Công ty Cổ phần Đầu tư PV2.

Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty con sở hữu trực tiếp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 gồm:

- Tổng Công ty Bảo hiểm PVI (PVI Insurance)
- Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (PVI Re-insurance)
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI (PVI AM)
- Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (POF) (i)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

- (i) Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (POF) được thành lập ngày 08 tháng 10 năm 2015 dưới hình thức quỹ đóng theo Thông báo số 215/TB-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. POF được góp vốn bởi Công ty và các công ty con của Công ty là Tổng Công ty Bảo hiểm PVI và Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI. POF được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI, thời gian hoạt động của POF là 05 năm. Ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, Công ty đã áp dụng Thông tư số 53/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 21 tháng 3 năm 2016 ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200"). Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 53 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.



4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát và Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI ("POF") (gọi chung là các "công ty con") được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.



4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính (không bao gồm đầu tư vào công ty liên kết).

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả, dự phòng bồi thường và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

TR
11/01/2011
C
F

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

c. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

1001
CỔ
H N
JEI
VI
V G B
10
0
CỔ
I
1/A

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 40
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 6

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và bản quyền các phần mềm khác (gọi chung là "phần mềm máy tính") và quyền sử dụng đất.

Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không khấu hao theo quy định hiện hành.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê là nhà văn phòng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và nhà dự án do Công ty nắm giữ chờ tăng giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư. Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 39,5 năm.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất do Công ty nắm giữ nhằm thu lợi từ việc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa và các khoản chi phí trả trước khác.

Chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa

Ngày 20 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 203/2009/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định cho các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động tại Việt Nam (được thay thế bằng Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 6 năm 2013). Theo đó, "Các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá theo phương pháp dòng tiền chiết khấu (DCF) thì phần chênh lệch tăng của vốn Nhà nước giữa giá trị thực tế và giá trị ghi trên sổ sách kế toán không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh nhưng thời gian không quá 10 năm. Thời điểm bắt đầu phân bổ vào chi phí là thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)". Thông tư số 203/2009/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đã được Công ty áp dụng để ghi nhận phần chênh lệch giữa giá trị thực tế của phần vốn Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa) với giá trị ghi sổ là 213.785.395.213 VND sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ đều vào chi phí trong vòng 8 năm kể từ năm 2009.

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, khoản chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 3 năm. Phần giá trị chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa chưa phân bổ hết tại ngày 01 tháng 01 năm 2015 được Công ty xác định sẽ phân bổ vào chi phí trong thời gian 2 năm tiếp theo. Năm 2016 là năm cuối cùng phân bổ khoản chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa này.

Các khoản chi phí trả trước khác

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chính sách kế toán đối với các khoản chi phí trả trước về hoa hồng bảo hiểm được trình bày tại phần chính sách kế toán một số nghiệp vụ đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm, phần "chi phí".

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Một khoản cho thuê được xem là cho thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Handwritten notes and signatures on the right margin, including the name "Y. C. H. H. H." and other illegible markings.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ tại doanh nghiệp

Toàn bộ phần lợi nhuận được sử dụng để trả cổ tức cho các cổ đông, trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, trích Quỹ thưởng ban điều hành và các quỹ khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tỷ lệ phân phối cho từng khoản mục trên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng Quản trị. Tuy nhiên, theo Điều lệ của Công ty, Hội đồng Quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa niên độ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chính sách kế toán một số nghiệp vụ đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Ngày 01 tháng 7 năm 2016, Chính phủ đã ban hành Nghị định 73/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành luật kinh doanh bảo hiểm và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật kinh doanh bảo hiểm. Nghị định 73 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016. Công ty đang chờ Thông tư hướng dẫn chi tiết cho việc áp dụng Nghị định này.

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm

Dự phòng phí chưa được hưởng:

Áp dụng tại Tổng Công ty Bảo hiểm PVI:

- Đối với nghiệp vụ bảo hiểm năng lượng: Dự phòng phí trích lập theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm (phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày).

- Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác: Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính trên phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm và được trích lập theo phương pháp 1/24. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính trên phí nhượng tái bảo hiểm và được trích lập theo phương pháp 1/24.

Áp dụng tại Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI:

Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI thực hiện thay đổi phương pháp trích lập dự phòng phí chưa được hưởng theo phê duyệt của Bộ Tài chính kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, cụ thể:

- Đối với nghiệp vụ bảo hiểm hàng hoá vận chuyển bằng đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường hàng không: bằng 25% của tổng phí bảo hiểm giữ lại.

- Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác: bằng 50% của tổng phí bảo hiểm giữ lại (năm tài chính 2015 áp dụng theo phương pháp 1/24).

Dự phòng bồi thường:

- Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, bao gồm cả nghiệp vụ bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo.

- Đối với các tổn thất đã phát sinh chưa được thông báo từ khách hàng (IBNR):

- Tổng Công ty Bảo hiểm PVI trích lập dựa trên thống kê dữ liệu trong quá khứ.
- Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI (PVI Re) thực hiện thay đổi phương pháp trích lập IBNR theo phê duyệt của Bộ Tài chính kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, theo đó IBNR được trích lập theo tỷ lệ 5% phí bảo hiểm giữ lại (năm tài chính 2015 trích lập dựa trên thống kê dữ liệu trong quá khứ).

Dự phòng dao động lớn: Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 về Hợp đồng bảo hiểm, các tổn thất chưa phát sinh và không tồn tại tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất (bao gồm cả dự phòng dao động lớn) thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, Công ty thực hiện chính sách dự phòng theo quy định nêu trên của Bộ Tài chính, dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với tất cả các loại hình nghiệp vụ là 3% phí giữ lại trong năm.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá việc thay đổi phương pháp dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường tại Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI không ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm (trên báo cáo tài chính hợp nhất này được theo dõi trên khoản mục "Phải thu khách hàng").

Ghi nhận doanh thu

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012 và Thông tư số 194/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 17 tháng 12 năm 2014 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 125/2012/TT-BTC nêu trên. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng các điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm; (2) hợp đồng bảo hiểm đã có hiệu lực và (3) bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc trong thời gian cho nợ phí theo quy định (tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực). Việc ghi nhận này cũng được áp dụng cho ghi nhận doanh thu phí bảo hiểm của kỳ đóng phí đầu tiên đối với trường hợp đóng phí bảo hiểm theo kỳ, các kỳ tiếp theo chỉ ghi nhận doanh thu khi khách hàng đã đóng đủ phí theo thỏa thuận Hợp đồng.

Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Công ty và được xác nhận bởi Công ty. Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong năm.

Trong năm, hoa hồng và các khoản thu khác từ hoạt động tái bảo hiểm được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Cuối năm tài chính, Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong năm để chuyển sang phân bổ vào các năm sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí tương ứng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường. Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Công ty và Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm được ghi nhận tương ứng với phí bảo hiểm gốc và phí bảo hiểm nhận tái phát sinh trong năm. Trong năm, toàn bộ chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm theo hợp đồng nhận tái bảo hiểm đã giao kết theo quy định của chế độ tài chính được phản ánh vào khoản mục "Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc" và "Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm".

Cuối năm tài chính, Công ty phải xác định chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí năm này tương ứng với phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng để chuyển sang phân bổ vào các năm sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí tương ứng.

Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế của các công ty bảo hiểm với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% mức vốn điều lệ của các công ty này. Quỹ dự trữ bắt buộc được phản ánh vào khoản mục "Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	1.721.943.565	1.701.011.844
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	209.022.306.608	331.991.976.234
Tiền đang chuyển	140.873.385	46.000.000
Các khoản tương đương tiền (i)	496.000.000.000	425.000.000.000
	706.885.123.558	758.738.988.078

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong nước có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Giá gốc		Giá trị hợp lý		Giá gốc		Giá trị hợp lý	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
a) Chứng khoán kinh doanh	227.513.580.247	207.951.145.694	(22.203.514.257)	158.392.135.139	90.347.587.118	(68.044.548.021)		
- Tổng giá trị cổ phiếu	227.513.580.247	207.951.145.694	(22.203.514.257)	158.392.135.139	90.347.587.118	(68.044.548.021)		
b) Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn	6.244.951.634.631	6.244.951.634.631	-	6.022.720.000.000	6.022.720.000.000	-		
b1) Ngắn hạn	6.084.951.634.631	6.084.951.634.631	-	5.742.720.000.000	5.742.720.000.000	-		
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	6.084.951.634.631	6.084.951.634.631	-	5.292.720.000.000	5.292.720.000.000	-		
- Các khoản đầu tư khác (ii)	-	-	-	450.000.000.000	450.000.000.000	-		
b2) Dài hạn	160.000.000.000	160.000.000.000	-	280.000.000.000	280.000.000.000	-		
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn (i)	160.000.000.000	160.000.000.000	-	270.000.000.000	270.000.000.000	-		
- Trái phiếu	-	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-		
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	455.301.399.865	191.993.677.659	(313.269.934.241)	901.872.304.505	844.407.857.923	(114.541.811.142)		
- Đầu tư vào công ty liên kết (iii)	-	-	-	333.172.027.732	333.172.027.732	-		
- Đầu tư vào đơn vị khác (iv)	455.301.399.865	191.993.677.659	(313.269.934.241)	568.700.276.773	511.235.830.191	(114.541.811.142)		

11/01/2017 10:11 AM

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo (ghi nhận là đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn) và có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo (ghi nhận là đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn) tại các tổ chức tín dụng trong nước.
- (ii) Các khoản đầu tư khác phản ánh hợp đồng hợp tác đầu tư bất động sản và trong năm Công ty đã thực hiện tất toán toàn bộ giá trị hợp đồng này.
- (iii) Đầu tư vào công ty liên kết phản ánh các khoản đầu tư vào Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life và Công ty Cổ phần Đầu tư PV2. Trong năm, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ phần vốn đầu tư vào các công ty liên kết này.
- (iv) Thể hiện khoản góp vốn vào các công ty với thời hạn nắm giữ trên 1 năm.

Thông tin chi tiết về các công ty con thuộc sở hữu trực tiếp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần	Tỷ lệ quyền	Hoạt động chính
		sở hữu	biểu	
		%	quyết năm giữ	
			%	
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	Hà Nội	100	100	Bảo hiểm phi nhân thọ
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI	Hà Nội	68,86	73,11	Tái bảo hiểm
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ PVI	Hà Nội	35	65	Quản lý quỹ đầu tư
Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI	Hà Nội	22,73	100	Quỹ đầu tư

Thông tin chi tiết về Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI ("POF"):

POF được thành lập ngày 08 tháng 10 năm 2015 dưới hình thức quỹ đóng theo Thông báo số 215/TB-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. POF được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI, thời gian hoạt động của POF là 05 năm. Ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

Tổng số vốn của POF tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.000.000.000.000 VND, được góp bởi các bên như sau:

	Số vốn góp	Tỷ lệ góp vốn
	VND	%
Công ty Cổ phần PVI	227.272.730.000	22,73
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	568.181.820.000	56,82
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI	204.545.450.000	20,45
	1.000.000.000.000	100

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính được xác định như sau:

- Giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh đã niêm yết được xác định theo giá thực tế trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) được xác định theo giá giao dịch bình quân tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Với các khoản chứng khoán kinh doanh khác, giá trị hợp lý được xác định bằng các phương pháp định giá phù hợp gồm: phương pháp so sánh với các chứng khoán kinh doanh tương đồng có giá thị trường và phương pháp giá trị tài sản ròng.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn dài hạn được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư.
- Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi ngắn hạn được xác định bằng giá trị ghi sổ.
- Đối với khoản đầu tư khác không có đủ thông tin trên thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải thu về hoạt động bảo hiểm gốc	470.430.572.821	291.093.753.940
Phải thu về hoạt động nhận tái bảo hiểm	182.360.767.714	128.548.121.855
Phải thu về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	639.694.952.594	493.060.695.942
Phải thu liên quan đến tài sản tái bảo hiểm (i)	4.655.297.061.408	3.535.354.539.837
Phải thu về hoạt động tài chính	222.824.034.975	263.550.855.917
Phải thu về hoạt động kinh doanh phi bảo hiểm	57.720.606.415	18.638.075.004
	<u>6.228.327.995.927</u>	<u>4.730.246.042.495</u>

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	26.526.106.354	58.140.350.626

- (i) Phải thu liên quan đến tài sản tái bảo hiểm phản ánh giá trị của tài sản tái bảo hiểm bao gồm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm.

8. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	693.388.502.471	1.342.028.470.328
- Tạm ứng cho người lao động	32.934.385.407	30.447.062.132
- Ký cược, ký quỹ (i)	437.847.103.669	1.738.387.346
- Phải thu về chuyển nhượng vốn góp (ii)	-	780.000.000.000
- Phải thu khác (iii)	222.607.013.395	529.843.020.850
b) Dài hạn	23.074.229.514	20.054.676.221
- Ký cược, ký quỹ	23.074.229.514	20.054.676.221

- (i) Ký cược, ký quỹ chủ yếu bao gồm khoản đặt cọc nhận chuyển nhượng dự án với số tiền 436 tỷ VND.
- (ii) Số dư đầu năm phản ánh khoản phải thu về chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life. Số tiền này đã được bên mua thanh toán vào ngày 07 tháng 01 năm 2016.
- (iii) Phải thu khác chủ yếu bao gồm các khoản đầu tư đến hạn thanh toán được phân loại lại sang phải thu khác.

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các phải thu	420.183.289.994	(308.914.346.855)	111.268.943.139	719.988.518.302	(518.633.754.723)	201.354.763.579

- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm,...theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.
- Một số khoản phải thu đã trích lập dự phòng có khả năng thu hồi thấp do đối tác của Công ty gặp khó khăn về tài chính hoặc trong tình trạng phá sản.
- Giá trị có thể thu hồi của các phải thu đã trích lập dự phòng được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	130.856.740.026	63.969.652.779	134.068.850.925	-	328.895.243.730
Tăng trong năm	5.983.814.529	8.182.352.449	10.817.721.299	8.002.079.194	32.985.967.471
- Mua sắm mới	5.983.814.529	8.182.352.449	10.734.221.299	8.002.079.194	32.902.467.471
- Tăng khác	-	-	83.500.000	-	83.500.000
Thanh lý trong năm	-	2.298.777.953	411.053.183	-	2.709.831.136
Giảm khác trong năm	1.518.029.000	-	79.500.000	-	1.597.529.000
Số dư cuối năm	135.322.525.555	69.853.227.275	144.396.019.041	8.002.079.194	357.573.851.065
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	21.538.764.864	43.521.754.754	47.470.226.197	-	112.530.745.815
Trích khấu hao trong năm	7.251.148.197	6.854.502.934	21.121.763.650	-	35.227.414.781
Tăng khác	-	405.964.156	-	-	405.964.156
Thanh lý trong năm	-	2.298.777.953	349.092.469	-	2.647.870.422
Giảm khác trong năm	455.793.277	-	18.673.215	-	474.466.492
Số dư cuối năm	28.334.119.784	48.483.443.891	68.224.224.163	-	145.041.787.838
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	109.317.975.162	20.447.898.025	86.598.624.728	-	216.364.497.915
Tại ngày cuối năm	106.988.405.771	21.369.783.384	76.171.794.878	8.002.079.194	212.532.063.227

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 55.816.539.818 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 48.937.265.300 VND).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	27.581.865.340	91.108.797.383	118.690.662.723
Tăng trong năm	15.458.699.553	33.484.251.224	48.942.950.777
- Mua sắm mới	15.458.699.553	33.484.251.224	48.942.950.777
Số dư cuối năm	43.040.564.893	124.593.048.607	167.633.613.500
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	639.845.139	57.029.822.679	57.669.667.818
Trích khấu hao trong năm	160.327.183	20.550.353.082	20.710.680.265
Số dư cuối năm	800.172.322	77.580.175.761	78.380.348.083
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	26.942.020.201	34.078.974.704	61.020.994.905
Tại ngày cuối năm	42.240.392.571	47.012.872.846	89.253.265.417

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 45.692.008.435 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 37.600.481.382 VND).

12. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	1.201.971.027.928	-	-	1.201.971.027.928
- Nhà và quyền sử dụng đất (i)	1.201.971.027.928	-	-	1.201.971.027.928
Giá trị hao mòn lũy kế	53.379.714.285	33.991.125.876	-	87.370.840.161
- Nhà và quyền sử dụng đất (i)	53.379.714.285	33.991.125.876	-	87.370.840.161
Giá trị còn lại	1.148.591.313.643	(33.991.125.876)	-	1.114.600.187.767
- Nhà và quyền sử dụng đất (i)	1.148.591.313.643	(33.991.125.876)	-	1.114.600.187.767
b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá	418.909.386.238	312.543.169.409	-	731.452.555.647
- Nhà và quyền sử dụng đất (ii)	418.909.386.238	312.543.169.409	-	731.452.555.647
Tổn thất do suy giảm giá trị	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất (ii)	-	-	-	-
Giá trị còn lại	418.909.386.238	312.543.169.409	-	731.452.555.647
- Nhà và quyền sử dụng đất (ii)	418.909.386.238	312.543.169.409	-	731.452.555.647

- (i) Bất động sản đầu tư dùng để cho thuê phản ánh phần giá trị của Tòa nhà PVI tương ứng với phần khối lượng đã hoàn thành và cho thuê được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 39,5 năm.
- (ii) Thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất do Công ty nắm giữ với mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với các bất động sản đầu tư này theo quy định hiện hành.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a) Ngắn hạn	175.093.071.207	153.788.546.126
- Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	154.569.967.827	137.576.250.842
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	20.523.103.380	16.212.295.284
b) Dài hạn	20.989.255.406	48.005.724.298
- Chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa	-	26.723.174.402
- Chi phí trả trước dài hạn khác	20.989.255.406	21.282.549.896
	196.082.326.613	201.794.270.424

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

a) Các khoản phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	336.933.488.508	332.327.121.645
Phải trả về hoạt động nhận tái bảo hiểm	250.942.317.395	233.700.910.732
Phải trả về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	1.090.577.192.401	903.929.115.396
Các khoản phải trả khác của khách hàng	82.970.621.141	43.955.837.105
	1.761.423.619.445	1.513.912.984.878

b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Cơ quan Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	758.100	3.721.959
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	361.502.293	70.689.211.257

Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản phải trả người bán tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Phát sinh trong năm</u>			<u>Số cuối năm</u> VND
	<u>Số đầu năm</u> VND	<u>Số phải nộp</u> VND	<u>Số đã thực nộp</u> VND	
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.173.356.869	40.621.691.220	45.540.010.590	17.091.676.239
Cộng	12.173.356.869	40.621.691.220	45.540.010.590	17.091.676.239
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	5.757.377.512	352.257.402.607	337.643.880.750	20.370.899.369
Thuế thu nhập doanh nghiệp	48.000.939.450	120.878.597.812	78.240.414.911	90.639.122.351
Thuế thu nhập cá nhân	882.361.876	3.474.883.232	3.439.613.457	917.631.651
Thuế, phí phải nộp khác	8.333.979.798	33.203.538.429	33.515.695.705	8.021.822.522
Cộng	62.974.658.636	509.814.422.080	452.839.604.823	119.949.475.893

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
- Lãi vay dự trả	-	2.520.000.000
- Phải trả xây dựng tòa nhà PVI	-	64.368.531.150
- Khác	2.792.061.302	8.409.462.779
	2.792.061.302	75.297.993.929

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	49.474.872.149	177.884.825.197
- Các khoản bảo hiểm và kinh phí công đoàn	4.986.547.776	2.175.578.130
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	52.751.207	(111.659.610)
- Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	44.435.573.166	175.820.906.677
b) Dài hạn	21.846.807.001	20.638.304.676
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	21.846.807.001	20.638.304.676

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào chưa thanh toán.

18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

a) Ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
- Dự phòng phí chưa được hưởng	3.064.526.001.019	2.964.155.465.687
- Dự phòng bồi thường	4.034.632.426.709	3.148.478.796.871
- Dự phòng dao động lớn	135.894.173.148	124.537.792.499
	7.235.052.600.876	6.237.172.055.057

b) Dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Dự phòng phải trả dài hạn khác	2.270.874.540	2.428.873.838
	2.270.874.540	2.428.873.838

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (i)	15.000.000.000	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (i)	305.000.000.000	305.000.000.000	-	305.000.000.000	-	-
Cộng	320.000.000.000	320.000.000.000	5.000.000.000	325.000.000.000	-	-

(i) Thể hiện khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam ("VIB") theo Hợp đồng vay dài hạn số 01/2015/VIB-PVI ký ngày 25 tháng 11 năm 2015 với số tiền 360.000.000.000 VND. Tài sản đảm bảo của khoản vay là tòa nhà văn phòng PVI tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Nợ gốc vay sẽ được trả 14 lần theo kỳ hạn 6 tháng/kỳ bắt đầu vào ngày đầu tiên sau 6 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Số tiền phải trả từ kỳ 1 đến kỳ 13 là 25.700.000.000 VND, dư nợ gốc còn lại trả vào kỳ cuối của khoản vay. Lãi suất vay cố định trong 3 tháng đầu kể từ ngày rút vốn đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 3 tháng/lần bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do VIB công bố cộng biên độ 1,0%/năm. Trong năm, Công ty đã thực hiện tất toán hợp đồng vay dài hạn này.

ĐẠI DƯỚI M. S. 01/2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng	
Số dư đầu năm trước	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(162.414.980.975)	179.211.820.775	107.238.446.440	401.714.279.684	696.265.997.147	6.887.496.747.091	
Vốn góp	-	-	-	-	-	-	17.500.000.000	17.500.000.000	
Thay đổi cổ phiếu quỹ	-	-	(50.468.120.000)	-	-	-	-	(50.468.120.000)	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	576.254.236.171	-	576.254.236.171	
Phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	24.265.833.784	(24.265.833.784)	-	
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	-	-	14.685.398.038	(14.685.398.038)	-	-	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(34.263.778.128)	-	(34.263.778.128)	
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(200.057.622.300)	(33.904.000.000)	(233.961.622.300)	
Thay đổi do thoái vốn tại Công ty con (Giảm) khác	-	-	-	-	-	13.128.814.082	(435.398.683.315)	(422.269.869.233)	
Số dư đầu năm nay	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(212.883.100.975)	179.211.820.775	121.923.844.478	761.177.139.042	219.052.484.135	6.733.963.371.475	
Vốn góp	-	-	-	-	-	-	100.000.000	100.000.000	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	573.643.205.685	-	573.643.205.685	
Phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(33.985.155.271)	33.985.155.271	-	
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	-	-	8.503.421.285	(8.503.421.285)	-	-	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	(15.927.847.296)	-	(15.927.847.296)	
Trích quỹ khác	-	-	-	-	246.045.293	(246.045.293)	-	-	
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	-	-	(444.974.494.000)	(22.572.833.334)	(467.547.327.334)	
(Giảm) khác	-	-	-	-	-	(1.864.478.197)	(924.998.845)	(2.789.477.042)	
Số dư cuối năm nay	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(212.883.100.975)	179.211.820.775	130.673.311.056	829.318.903.385	229.639.807.227	6.821.441.925.488	

(i) Trong năm, Công ty trích lập bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận của năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2016/NQ-ĐHĐCD ngày 20 tháng 4 năm 2016.

(ii) Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2015 với tỷ lệ 20% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2016/NQ-ĐHĐCD ngày 20 tháng 4 năm 2016 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 10/NQ-PVI ngày 30 tháng 8 năm 2016.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(444.974.494.000)	(200.057.622.300)

Cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	234.241.867	234.241.867
Cổ phiếu phổ thông	234.241.867	234.241.867
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	234.241.867	234.241.867
Cổ phiếu phổ thông	234.241.867	234.241.867
Số lượng cổ phiếu được mua lại	11.754.600	11.754.600
Cổ phiếu phổ thông	11.754.600	11.754.600
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	222.487.267	222.487.267
Cổ phiếu phổ thông	222.487.267	222.487.267

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Đơn vị	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
1. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm	VND	1.439.473.390.234	1.751.605.945.230
2. Phải thu đòi người thứ ba	VND	33.378.286.667	41.167.292.223
3. Nợ khó đòi đã xử lý	VND	282.396.416.462	12.355.905.191
4. Ngoại tệ các loại			
+ Đô la Mỹ	USD	3.510.259	9.897.453
+ Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	1.080.409	1.173.950
+ Yên Nhật	JPY	2.264.454	605.856

22. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động: bộ phận hoạt động đầu tư, bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phi nhân thọ và bộ phận kinh doanh tái bảo hiểm phi nhân thọ. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận hoạt động đầu tư: chủ yếu là các khoản tiền gửi có kỳ hạn, mua trái phiếu, cổ phiếu, ủy thác đầu tư và hợp tác đầu tư;

Bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phi nhân thọ: khai thác các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ;

Bộ phận kinh doanh tái bảo hiểm phi nhân thọ: hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm;

Trong Quý 4 năm 2015, Công ty đã thực hiện thoái một phần vốn tại PVI Sun Life, theo đó PVI Sun Life chuyển thành công ty liên kết của Công ty. Do vậy, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, Công ty không còn bộ phận kinh doanh bảo hiểm nhân thọ.

HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

22. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phi nhân thọ	Bộ phận kinh doanh tái bảo hiểm	Bộ phận hoạt động đầu tư	Loại trừ	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	1.221.315.053.802	7.263.366.972.895	14.595.020.130.084	(6.437.141.380.826)	16.642.560.775.955
Nợ phải trả bộ phận	6.941.944.871.122	4.109.032.805.998	584.419.474.469	(1.814.278.301.122)	9.821.118.850.467

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016:

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phi nhân thọ	Bộ phận kinh doanh tái bảo hiểm	Bộ phận hoạt động đầu tư	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu thuần theo bộ phận	3.376.900.732.490	1.447.173.698.451	1.509.539.314.858	(458.267.828.727)	5.875.345.917.072
Bảo hiểm	3.376.900.732.490	1.447.173.698.451	-	(157.325.794.991)	4.666.748.635.950
Đầu tư	-	-	1.509.539.314.858	(300.942.033.736)	1.208.597.281.122
Chi phí theo bộ phận	3.293.475.579.484	1.346.526.467.450	750.858.054.358	(229.702.927.366)	5.161.157.173.926
Lợi nhuận trước thuế theo bộ phận	83.425.153.006	100.647.231.001	758.681.260.500	(228.564.901.361)	714.188.743.146

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

22. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Bảo hiểm				Loại trừ	Tổng cộng
	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phi nhân thọ	Bộ phận kinh doanh tái bảo hiểm	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm nhân thọ	Bộ phận hoạt động đầu tư		
Tài sản bộ phận	910.211.933.776	6.066.213.381.496	-	13.412.347.784.822	(4.881.349.927.865)	15.507.423.172.229
Nợ phải trả bộ phận	5.595.718.478.561	4.160.229.529.882	-	900.192.011.691	(1.882.680.219.380)	8.773.459.800.754

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015:

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Bảo hiểm				Loại trừ	Tổng cộng
	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phi nhân thọ	Bộ phận kinh doanh tái bảo hiểm	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm nhân thọ	Bộ phận hoạt động đầu tư		
Doanh thu thuần theo bộ phận	3.146.023.233.028	1.340.360.325.877	121.283.883.631	1.617.502.163.454	(497.372.347.763)	5.727.797.258.227
Bảo hiểm	3.146.023.233.028	1.340.360.325.877	121.283.883.631	-	(160.373.565.398)	4.447.293.877.138
Đầu tư	-	-	-	1.617.502.163.454	(336.998.782.365)	1.280.503.381.089
Chi phí theo bộ phận	3.030.637.341.559	1.209.129.122.283	361.817.547.900	664.194.097.685	(246.437.298.689)	5.019.340.810.738
Lợi nhuận trước thuế theo bộ phận	115.385.891.469	131.231.203.594	(240.533.664.269)	953.308.065.769	(250.935.049.074)	708.456.447.489

23. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

a) Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu phí bảo hiểm gốc	6.527.512.136.321	7.248.012.886.489
Thu phí nhận tái bảo hiểm	816.981.824.812	943.544.146.744
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	581.059.805.786	426.253.202.215
Thu khác từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	29.201.779.062	22.655.580.703
Doanh thu kinh doanh phi bảo hiểm	119.307.299.901	99.358.569.087
	8.074.062.845.882	8.739.824.385.238

b) Doanh thu đối với các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Cơ quan Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	19.763.484.461
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.023.261.400.671	2.455.933.411.637

24. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Phí nhượng tái bảo hiểm	3.339.118.854.920	3.562.955.063.556
Tăng dự phòng phí	(51.111.944.889)	(59.385.954.396)
Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ	-	688.876.193.792
	3.288.006.910.031	4.192.445.302.952

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi bồi thường bảo hiểm gốc	2.565.574.364.467	3.276.001.632.527
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	487.197.785.344	688.922.269.236
Các khoản giảm trừ:	(1.070.365.193.841)	(2.078.012.019.154)
- Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(1.059.212.643.609)	(2.063.377.945.656)
- Thu đòi người thứ ba bồi hoàn	(3.453.458.988)	(11.478.649.085)
- Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%	(7.699.091.244)	(3.155.424.413)
Chi bồi thường từ quỹ dự phòng dao động lớn	(105.256.892.732)	(122.738.115.271)
Tăng dự phòng bồi thường	64.953.778.342	93.373.580.760
Sổ trích dự phòng dao động lớn trong năm	116.613.273.381	124.209.503.626
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	2.065.981.417.772	1.855.994.835.773
- Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc	125.077.705.994	118.614.571.239
- Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm	291.708.022.610	309.200.357.626
- Chi khác hoạt động nhượng tái bảo hiểm	58.949.339.393	95.448.340.470
- Chi hoạt động kinh doanh bảo hiểm khác	1.590.246.349.775	1.332.731.566.438
Giá vốn dịch vụ kinh doanh phi bảo hiểm	104.913.715.587	84.661.950.964
	4.229.612.248.320	3.922.413.638.461

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	170.162.142.405	272.637.233.939
Chi phí văn phòng	29.903.340.417	76.375.481.997
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.253.708.494	66.622.481.453
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi bằng tiền khác	246.834.682.136	249.774.559.941
	497.153.873.452	665.409.757.330

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	4.124.698.532.733	3.780.627.595.622
Chi phí nhân viên	208.868.337.395	324.639.703.203
Chi phí văn phòng	29.106.139.786	77.337.770.644
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	89.929.220.922	115.046.393.080
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi bằng tiền khác	290.963.890.936	302.881.023.551
	4.743.566.121.772	4.600.532.486.100

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	432.979.369.934	443.785.161.887
Lãi đầu tư trái phiếu	1.774.176.358	106.575.228.207
Lãi kinh doanh cổ phiếu	39.246.068.864	94.411.500
Lãi kinh doanh ủy thác đầu tư	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	15.088.405.835	4.299.834.237
Lãi chênh lệch tỷ giá	45.925.973.652	116.099.564.765
Lãi từ chuyển nhượng cổ phần, vốn góp	508.330.636.954	509.690.751.788
Doanh thu hoạt động tài chính khác	40.868.636.622	440.585.455
	1.084.213.268.219	1.180.985.537.839

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí hoạt động kinh doanh cổ phiếu	87.905.301	244.536.590
Lỗ chênh lệch tỷ giá	55.576.168.418	85.352.826.050
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư	250.449.516.256	166.420.172.154
Chi phí lãi vay	11.478.619.445	34.575.410.000
Chi phí tài chính khác	110.824.558.232	75.091.287.969
	428.416.767.652	361.684.232.763

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	714.188.743.146	708.456.447.489
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(102.131.295.796)	(51.743.407.032)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(3.701.915.835)	(2.233.734.237)
- Lãi của Quỹ đầu tư cơ hội PVI	(50.931.947.727)	-
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư đã loại năm trước	(36.105.700.000)	-
- Thu nhập không chịu thuế khác	(11.391.732.234)	(49.509.672.795)
Trừ: Chuyển lỗ các năm trước	-	(97.763.941.026)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	153.807.757.864	41.970.042.925
- Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm	4.095.372.134	-
- Lỗ thuần đầu tư vào công ty liên kết	-	(44.929.837.907)
- Thù lao Hội đồng Quản trị	344.675.889	684.000.000
- Khấu hao xe ô tô có nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng	1.020.898.433	1.092.908.000
- Lỗ tính thuế tại Công ty mẹ và các công ty con	1.706.709.376	73.391.759.055
- Chi phí mua bảo hiểm hưu trí	60.000.000	6.731.500.000
- Chi phí khác không được khấu trừ	146.580.102.032	4.999.713.777
Thu nhập chịu thuế	765.865.205.214	600.919.142.356
Thuế suất thông thường	20%	22%
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất thông thường	153.173.041.043	132.202.211.318
Thuế nộp bổ sung theo biên bản kiểm tra thuế	6.207.687.184	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	159.380.728.227	132.202.211.318

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Đơn vị	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	VND	539.658.050.414	600.520.069.955
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	VND	(43.172.644.033)	(31.776.888.747)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	496.485.406.381	568.743.181.208
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	Cổ phiếu	222.487.267	223.184.416
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	2.232	2.548

Không có công cụ có thể tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong tương lai.

1001
 CÔNG
 TCH M
 DEI
 VIỆ
 VG B
 1
 2
 3
 4
 5
 6
 7
 8
 9
 10
 11
 12
 13
 14
 15
 16
 17
 18
 19
 20
 21
 22
 23
 24
 25
 26
 27
 28
 29
 30
 31
 32
 33
 34
 35
 36
 37
 38
 39
 40
 41
 42
 43
 44
 45
 46
 47
 48
 49
 50

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	-	320.000.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	706.885.123.558	758.738.988.078
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	6.821.441.925.488	6.733.963.371.475
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	706.885.123.558	706.885.123.558	758.738.988.078	758.738.988.078
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.142.020.662.467	6.142.020.662.467	5.543.248.372.189	5.543.248.372.189
Đầu tư tài chính	6.592.293.166.245	6.644.896.457.984	6.567.226.052.749	6.624.303.417.309
Tổng cộng	13.441.198.952.270	13.493.802.244.009	12.869.213.413.016	12.926.290.777.576
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán và phải trả khác	1.805.859.192.611	1.805.859.192.611	1.712.436.114.751	1.712.436.114.751
Chi phí phải trả	2.792.061.302	2.792.061.302	75.297.993.929	75.297.993.929
Dự phòng bồi thường	4.034.632.426.709	4.034.632.426.709	3.148.478.796.871	3.148.478.796.871
Các khoản vay	-	-	320.000.000.000	320.000.000.000
Tổng cộng	5.843.283.680.622	5.843.283.680.622	5.256.212.905.551	5.256.212.905.551

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như trình bày tại Thuyết minh số 6.
- Giá trị hợp lý của các khoản mục ngắn hạn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả ngắn hạn và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không có đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro bảo hiểm.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

Tên ngoại tệ	Ký hiệu	Tài sản (VND tương đương)		Công nợ (VND tương đương)	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ	USD	562.244.361.010	957.438.919.426	892.076.019.523	974.640.610.567
Won Hàn Quốc	KRW	32.381.929.791	58.894.361.834	51.264.686.096	78.718.382.215
Euro	EUR	36.093.732.708	45.277.148.254	23.413.786.428	32.473.210.237
Ringit Malaysia	MYR	2.366.697.761	4.778.054.747	4.498.869.619	7.290.671.733
Rúp Nga	RUB	825.363.485	199.577.569	2.362.487.012	5.616.082.222
Khác		254.063.686.278	32.407.898.983	124.439.109.417	43.268.862.235

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng khoảng 6,6 tỷ VND.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được nắm giữ trong dài hạn và sẽ chuyển nhượng khi có điều kiện thuận lợi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ các khoản ủy thác đầu tư và hợp tác đầu tư. Rủi ro tín dụng đã được Ban Tổng Giám đốc đánh giá một cách thận trọng như trình bày tại Thuyết minh số 6 và số 9.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Số cuối năm	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	706.885.123.558	-	706.885.123.558
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.118.946.432.953	23.074.229.514	6.142.020.662.467
Đầu tư tài chính	6.290.261.700.621	302.031.465.624	6.592.293.166.245
Tổng cộng	13.116.093.257.132	325.105.695.138	13.441.198.952.270
Phải trả người bán và phải trả khác	1.784.012.385.610	21.846.807.001	1.805.859.192.611
Chi phí phải trả	2.792.061.302	-	2.792.061.302
Dự phòng bồi thường	4.034.632.426.709	-	4.034.632.426.709
Tổng cộng	5.821.436.873.621	21.846.807.001	5.843.283.680.622
Chênh lệch thanh khoản thuần	7.294.656.383.511	303.258.888.137	7.597.915.271.648
	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	758.738.988.078	-	758.738.988.078
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.523.193.695.968	20.054.676.221	5.543.248.372.189
Đầu tư tài chính	5.833.067.587.118	734.158.465.631	6.567.226.052.749
Tổng cộng	12.115.000.271.164	754.213.141.852	12.869.213.413.016
Phải trả người bán và phải trả khác	1.691.797.810.075	20.638.304.676	1.712.436.114.751
Chi phí phải trả	75.297.993.929	-	75.297.993.929
Dự phòng bồi thường	3.148.478.796.871	-	3.148.478.796.871
Các khoản vay	15.000.000.000	305.000.000.000	320.000.000.000
Tổng cộng	4.930.574.600.875	325.638.304.676	5.256.212.905.551
Chênh lệch thanh khoản thuần	7.184.425.670.289	428.574.837.176	7.613.000.507.465

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Rủi ro bảo hiểm

Rủi ro bảo hiểm tồn tại tại các công ty con của Công ty thực hiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm bao gồm Tổng Công ty Bảo hiểm PVI và Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI. Rủi ro của bất kỳ hợp đồng bảo hiểm nào là khả năng xảy ra sự kiện bảo hiểm và tính không chắc chắn của số tiền bồi thường bảo hiểm theo hợp đồng. Bản chất của hợp đồng bảo hiểm là rủi ro xảy ra sự kiện bảo hiểm ngẫu nhiên và do đó không thể dự đoán trước được.

Để đạt được mục tiêu quản lý rủi ro bảo hiểm, các đơn vị đã thiết lập và áp dụng đầy đủ các quy trình đánh giá rủi ro trước khi chấp nhận bảo hiểm, quy trình chuyển giao rủi ro bảo hiểm (tái bảo hiểm), quy trình giám định tổn thất và quy trình giải quyết bồi thường.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Mối quan hệ

Chủ sở hữu
Cùng chủ sở hữu

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 23.

Các giao dịch khác với các bên liên quan trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Chi phí quản lý	7.397.414.248	6.922.082.644

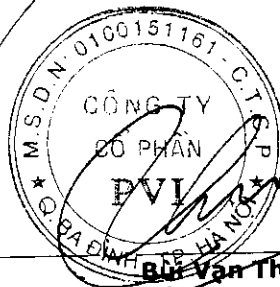
Số dư phải thu, phải trả các bên liên quan được trình bày tương ứng tại Thuyết minh số 7 và số 14.

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc Công ty được hưởng trong năm là 3.836.661.187 VND (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 4.390.513.436 VND).

Lâm Thị Lan Phương
Người lập biểu

Trần Duy Cường
Kế toán trưởng



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 02 năm 2017